

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CẢNG NGHỆ TĨNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 54/BC-CNT

Nghệ An, ngày 05 tháng 04 năm 2021

BÁO CÁO Thường niên năm 2020

Kính gửi: Ủy ban chứng khoán nhà nước
Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: Công ty Cổ phần Cảng Nghệ Tĩnh
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 2900325068
- Vốn điều lệ: 215.172.000.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 215.172.000.000 đồng
- Địa chỉ: Số 10 Đường Trường Thi, Phường Trường Thi, TP Vinh, Nghệ An
- Số điện thoại: 02383.847143
- Số fax: 02383.847142
- Website; <http://nghetinhport.com.vn>
- Mã cổ phiếu: NAP
- Quá trình hình thành và phát triển:

Ngày 13/10/1955, Cảng Bến Thủy được thành lập, là tiền thân của Cảng Nghệ Tĩnh ngày nay, đã đánh dấu sự ra đời của một doanh nghiệp cảng biển anh hùng, tiên tiến, góp phần tích cực trong công cuộc phát triển kinh tế của tỉnh Nghệ An và khu vực miền trung.

Công ty cổ phần Cảng Nghệ Tĩnh chính thức chuyển đổi từ ngày 1/4/2015, là doanh nghiệp nhà nước được cổ phần hóa tại quyết định số: 658/QĐ-HHVN của HĐQT Tổng công ty Hàng hải Việt Nam với tỷ lệ nhà nước nắm giữ 51% vốn điều lệ. Công ty Cổ phần Cảng Nghệ Tĩnh được niêm yết vào ngày 19/7/2016 tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

- Các sự kiện khác/ Other events:



2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

- Ngành nghề kinh doanh: Sản phẩm và dịch vụ chủ yếu
- + Kinh doanh dịch vụ cảng và bến cảng
- + Bốc xếp, bảo quản và giao nhận hàng hóa
- + Kinh doanh kho bãi, kho ngoại quan
- + Đại lý vận tải hàng hóa, đại lý tàu biển
- + Dịch vụ dẫn dắt tàu ra vào cảng, lai dắt tàu biển, hướng dẫn, kiểm tra tàu hoạt động trong khu vực cảng;
- + Hộ tống cứu nạn, cứu hộ trên biển
- + Cứu đắm, cứu cạn, sản xuất và cung ứng các thiết bị cứu sinh, cứu hộ.
- + Kinh doanh dịch vụ hàng hải và cung ứng tàu biển
- + Sửa chữa phương tiện vận tải thủy, bộ
- + Xây dựng và sửa chữa công trình cảng
- + Kinh doanh Nhà nghỉ
- + Xây dựng và cho thuê Văn phòng làm việc
- Địa bàn kinh doanh: Địa bàn kinh doanh chính là khu vực tỉnh Nghệ An, các tỉnh tiếp giáp lân cận trong và ngoài nước

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

- Mô hình quản trị: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Giám đốc hoặc Tổng giám đốc.
- Cơ cấu bộ máy quản lý
- Cơ cấu Hội đồng quản trị: Gồm có 05 người, Trong đó:
 - + 01 Chủ tịch HĐQT
 - + 04 Thành viên HĐQT
- Cơ cấu Ban kiểm soát: gồm 03 người, Trong đó:
 - + 01 Trưởng Ban kiểm soát
 - + 02 Thành viên Ban kiểm soát
- Cơ cấu Ban Tổng Giám đốc: gồm có: 03 người, Trong đó
 - + 01 Tổng giám đốc
 - + 02 Phó Tổng giám đốc
- Các công ty con, công ty liên kết
- Công ty Cổ phần Cảng Nghệ Tĩnh có 01 Công ty liên kết là:
 - + Tên công ty: Công ty Cổ phần lai dắt và dịch vụ hàng hải Cảng Cửa Lò;
 - + Địa chỉ: Văn phòng Cảng Cửa Lò, Khối 1, Phường Nghi Thủy, Thị xã Cửa Lò, Tỉnh Nghệ An
 - + Lĩnh vực kinh doanh chính: Dịch vụ dẫn dắt tàu ra vào cảng, lai dắt tàu biển, hướng dẫn tàu hoạt động trong khu vực cảng; Hộ tống cứu nạn, cứu hộ trên biển.

9003
CÔN
CỔ P
IG N
VH -

+ Tỷ lệ sở hữu của Công ty tại Công ty liên kết là 36%.

4. Định hướng phát triển

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

Phần đầu xây dựng Công ty cổ phần Cảng Nghệ Tĩnh trở thành một trong những Doanh nghiệp cảng biển có thương hiệu, uy tín, chất lượng trong khu vực và quốc tế.

+ Trở thành một trong những Công ty khai thác cảng biển hàng đầu trong trong khu vực Bắc Trung Bộ về lĩnh vực cung cấp dịch vụ xếp dỡ hàng container.

+ Luôn đảm bảo hoạt động kinh doanh có lãi và ổn định mức cổ tức hàng năm cho cổ đông, nâng cao thu nhập cho người lao động;

+ Tiếp tục duy trì và phát triển thương hiệu, hình ảnh và uy tín của Công ty trên thị trường trong và ngoài nước;

- Chiến lược phát triển trung và dài hạn

+ Chiến lược phát triển thị trường

Đây là chiến lược thực hiện lâu dài đến năm 2025, trong đó Công ty chú trọng kinh doanh vào những ngành nghề kinh doanh chính như: Bốc xếp hàng hóa, giao nhận ủy thác, cho thuê kho bãi. Đồng thời tập trung mọi nguồn lực để tìm mở rộng sang thị trường Lào để phát triển các mặt hàng tiềm năng như: Mặt hàng Kaly, quặng, than...; tìm kiếm thêm các khách hàng mới trên địa bàn: Các mặt hàng tôn cuộn, sắt thép, Clinker, xi măng, cát, đất phụ gia... để tăng trưởng hàng hóa thông qua cảng. Tuy nhiên để thực hiện được chiến lược này Công ty cần duy trì và chú trọng đến chất lượng dịch vụ cung cấp cho khách hàng.

+ Chiến lược phát triển sản phẩm

Trong giai đoạn này Công ty cần tập trung huy động vốn, từng bước tiến hành đầu tư mới thay thế các phương tiện, thiết bị, công cụ xếp dỡ hàng hóa đã lạc hậu về công nghệ, hết khấu hao, sử dụng không hiệu quả và đầu tư, nâng cấp hệ thống phần mềm quản lý, khai thác cảng nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ. Đồng thời không ngừng áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật để cải tiến các công cụ xếp dỡ hàng hóa nhằm đáp ứng ngày một tốt hơn nhu cầu của khách hàng, đồng thời nâng cao khả năng cạnh tranh so với các cảng trong khu vực. Các sản phẩm sẽ được phát triển theo hướng nâng cao về mặt chất lượng phục vụ, đảm bảo nhanh chóng, an toàn, chuyên nghiệp hơn.

Mũi nhọn trong chiến lược phát triển sản phẩm trong giai đoạn tới là dịch vụ hàng container và hàng rời.

+ Chiến lược phát triển con người

Nguồn nhân lực của Công ty đóng một vai trò hết sức quan trọng trong quá trình phát triển. Vì vậy, chiến lược phát triển con người bao gồm: công tác tuyển dụng, bồi dưỡng, đào tạo và các chính sách đãi ngộ đóng vai trò hết sức quan trọng để nguồn nhân

lực có đủ: Năng lực trình độ chuyên môn, nghiệp vụ giỏi, sức khỏe tốt, ứng xử văn hoá tốt, hoàn thành tốt nhiệm vụ quyền hạn được giao một cách hiệu quả.

5. Các rủi ro

+ **Rủi ro cạnh tranh ngành:** Hiện nay, vấn đề quy hoạch cảng biển đã có quyết định số 1037/QĐ-TTg ngày 24/6/2014 của Thủ tướng Chính phủ tuy nhiên trong quá trình thực hiện vẫn bộc lộ một số bất cập. Tính tới tháng 8 năm 2014, Việt Nam đã xây dựng được 44 cảng biển các loại, hệ thống cảng biển có khoảng 219 bến cảng với gần 43,6km cầu cảng và hàng chục khu chuyên tải, trong đó chỉ có khoảng 10 cảng có đủ điều kiện tiếp nhận tàu trọng tải cỡ trung bình của thế giới (*theo Cục Hàng hải Việt Nam*). Với khối lượng hàng hóa thông qua hầu hết các cảng biển chỉ xấp xỉ 16% công suất thiết kế khiến cho các doanh nghiệp khai thác cảng thiếu nguồn hàng trầm trọng, dẫn tới việc cạnh tranh không lành mạnh về giá giữa các cảng. Trong khi đó, kinh tế biển là vùng kinh tế trọng điểm của miền Trung, nhưng quy mô hoạt động của các cảng tại miền Bắc Trung (từ Thanh Hóa đến Hà Tĩnh) đều nhỏ, nguồn hàng chưa dồi dào khiến cho Cảng Nghệ Tĩnh càng gặp khó khăn hơn trong việc cạnh tranh với các doanh nghiệp trong ngành.

Tại khu vực Bắc Trung Bộ Công ty cổ phần Cảng Nghệ Tĩnh có các đối thủ cạnh tranh chính:

Khu vực Hà Tĩnh: Công ty cổ phần cảng Vũng Áng - Việt Lào (Hà Tĩnh)

* Là cảng nước sâu có thể đón được các tàu có trọng tải từ 40.000 DWT đến 50.000 DWT.

* Hàng hóa thông qua chủ yếu là hàng rời: Gỗ dăm, than, đá rời xây dựng..., thiết bị.

* Đối với Cảng Vũng Áng do điều kiện khoảng cách địa lý (đường bộ) xa, cách Cảng Cửa Lò 150 km, việc cạnh tranh hàng hóa ở mức độ thấp. Tuy nhiên, do hiện tại các mặt hàng thông qua Cảng Vũng Áng chủ yếu là hàng rời nên, cho nên khi thực hiện xếp dỡ các loại hàng bao gặp nhiều khó khăn do không đủ nguồn nhân lực, năng suất xếp dỡ thấp, kho chứa hàng còn hạn chế. Vì vậy, hiện tại các hàng phân bón kaly từ Lào thông qua Cửa khẩu Chalo Quảng Bình đang thực hiện quá cảnh tại cảng Cửa Lò, Nghệ An.

Khu vực Thanh Hóa bao gồm các Cảng: Công ty cổ phần cảng dịch vụ dầu khí tổng hợp PTSC Thanh Hóa; Công ty cổ phần thương mại Cảng Đại Dương (Thanh Hóa); Cảng Quốc tế Nghi Sơn (*Gang thép Nghi Sơn*)

* Hiện tại các cảng ở khu vực Thanh Hóa đều là cảng nước sâu có thể đón được các tàu có trọng tải từ 40.000 DWT đến 50.000 DWT.

* Hàng hóa thông qua chủ yếu là hàng rời: Gỗ dăm, than, clinker, đá rời..., thiết bị.

* Đối với cụm cảng Nghi Sơn có khoảng cách đường bộ cách Cảng Cửa Lò 80 Km, Hàng hóa từ miền tây Nghệ An về cảng Cửa Lò xa hơn cụm cảng Nghi Sơn từ 30

đến 36 Km. Do vậy hiện tại đang cạnh tranh rất khốc liệt, đặc biệt là giá cước bốc xếp hàng hóa.

* Hiện tại các Cảng ở Thanh Hóa và Hà Tĩnh đã thực hiện việc đầu tư các thiết bị làm hàng container. Đặc biệt Cảng Quốc tế Nghi Sơn đã đầu tư đồng bộ các thiết bị làm hàng container. Hiện tại giá cước container nội địa tại khu vực Nghi Sơn Thanh Hóa đang chào bằng 80% giá cước tại Cảng Cửa Lò, giá container Quốc tế bằng mức tối thiểu theo quy định ở khu vực phía Bắc.

Khu vực Cụm cảng Cửa Lò

* Công ty TNHH Cảng Cửa Lò (Công ty CP Nhật Việt sát cạnh bến số 4 Cảng Cửa Lò)

Bến số 5 Cảng Cửa Lò đầu tư và đã đưa vào sử dụng từ năm 2019, hạ tầng thiết kế chủ yếu làm hàng container, các loại hàng rời.... Hiện nay, Công ty cổ phần Cảng Nghệ Tĩnh thuê lại bến số 5 của Công ty TNHH Cảng Cửa Lò để khai thác nhằm hạn chế sự cạnh tranh thu hút khách hàng của nhau do cùng chung một vùng thị trường. Tuy nhiên thời hạn thuê bến sẽ kết thúc ở thời điểm tháng 1/2022 do đó nguy cơ về cạnh tranh trong tương lai là rất lớn.

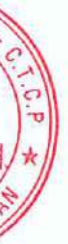
*** Cảng Vissai (Nghị Thiết)**

Cảng Vissai đã hoàn thành cầu dẫn chuyên dụng để vận hành khai thác cho tàu đến 50.000 DWT (tháng 6/2017) hàng hóa chủ yếu là clinker. Ngoài ra, hiện tại Cảng Vissai đang xây dựng thêm một số bến tổng hợp dự kiến chậm nhất cuối năm 2018 và đầu năm 2019 sẽ đưa vào vận hành khai thác. Như vậy, trong thời gian tới lượng hàng hóa như xi măng rời, clinker, than rời thông qua cảng Cửa Lò sẽ bị giảm mạnh (Dự kiến khối lượng hàng của Vissai thông qua năm 2017 sẽ đạt khoảng 450.000 tấn). Ngoài ra, sẽ là đối thủ cạnh tranh trực tiếp sản lượng hàng hóa khác thông qua cảng Cửa Lò.

* Cảng nước sâu TH: Có thể đáp ứng được tàu có trọng tải 100.000 DWT (hiện tại chưa triển khai xây dựng)

+ **Rủi ro về nguyên nhiên liệu:** Đối với doanh nghiệp khai thác cảng, nguyên liệu đầu vào chủ yếu là xăng dầu; điện năng - một mặt hàng gần như độc quyền trong nước và thường xuyên có biến động về giá. Trong khi đó, tình hình chính trị trên thế giới liên tục bất ổn, khiến cho giá cả của nguồn nguyên liệu khan hiếm này được dự báo sẽ tăng mạnh trong tương lai. Điều này tác động rất lớn tới hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp vận tải nói chung, cũng như đối với các hãng tàu, vận tải biển, khai thác cảng nói riêng. Để có thể hạn chế được tối đa rủi ro về nguyên liệu, trong thời gian tới, Cảng Nghệ Tĩnh cần đưa ra những dự báo về thị trường, dự báo về mức giá để chủ động hơn về nguồn nguyên nhiên liệu phục vụ hoạt động kinh doanh khai thác cảng của Công ty.

+ **Rủi ro về dịch bệnh:** Do tình hình phức tạp của Dịch Covid 19 kéo dài trong năm 2020. Công ty CP Cảng Nghệ Tĩnh luôn tuân thủ chặt chẽ các quy định của Nhà



nước liên quan đến phòng chống dịch bệnh. Năm 2021 dịch bệnh vẫn còn đang diễn biến phức tạp ở cả trong và ngoài nước.

+ **Rủi ro khác:** Các rủi ro khác nằm ngoài khả năng dự đoán và vượt quá khả năng phòng chống của con người như thiên tai, hoả hoạn, dịch họa, v.v... là những rủi ro bất khả kháng, nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại cho tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của Công ty.

Đặc biệt đối với doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực khai thác cảng thì các rủi ro như thiên tai, bão lũ sẽ ảnh hưởng lớn đến kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh của Doanh nghiệp.

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2019	Kế hoạch 2020	Thực hiện năm 2020	So sánh (%) thực hiện 2020 với	
					Kế hoạch 2020	Thực hiện 2019
Sản lượng	Tấn	3.781.116	3.800.000	4.286.987	112,81	113,38
Doanh thu	Triệu đồng	182.936	185.000	205.810	111,25	112,50
Lợi nhuận	Triệu đồng	11.069	12.400	12.940	104,35	116,90

* Sản lượng hàng hoá thông qua Cảng

- Sản lượng hàng hóa thông qua năm 2020 đạt 4.286.987 tấn, tăng 13,38% so với năm 2019 và tăng 12,81% so với kế hoạch năm 2020.

Trong đó:

+ Hàng xuất khẩu đạt 933.832 tấn, tăng 8,17% so với cùng kỳ năm 2019.

+ Hàng quá cảnh đạt 475.629 tấn, đạt 85,34% so với cùng kỳ năm 2019.

+ Hàng nhập khẩu đạt 401.913 tấn, tăng 196,75% so với cùng kỳ năm 2019.

+ Hàng nội địa đạt 2.475.613 tấn, tăng 11,26% so với năm 2019

+ Hàng container đạt 93.196 TEU tương đương 1.634.627 tấn thông qua, tăng 4,07% so với năm 2019.

- Sản lượng hàng hoá bốc xếp năm 2020 đạt 8.435.883 tấn tăng 8,12% so với cùng kỳ năm 2019.

2. Tổ chức và nhân sự

* Danh sách Ban điều hành:

STT	Họ và Tên	Chức vụ	Ngày sinh	Trình độ học vấn	Quê quán	CMND	Số cổ phần có quyền biểu quyết
1	Lê Doãn Long	Tổng giám đốc	28/12/1970	Thạc sỹ	Phường Bến Thủy, TP Vinh, Nghệ An	181657843	44.900
2	Bùi Kiều Hưng	Phó Tổng giám đốc	19/9/1972	Thạc sỹ	Xã Hợp Thành, H.Thủy Nguyên, Hải Phòng	181937164	15.925
3	Trần Văn Đạt	Phó Tổng giám đốc	20/8/1963	Thạc sỹ	Xã Đại Lộc, H.Can Lộc. Hà Tĩnh	182000153	32.150
4	Nguyễn Xuân Hùng	Kế toán trưởng	25/01/1980	Thạc sỹ	Xã Diễn Thái, H.Diễn Châu, Nghệ An	182349557	20.740

- Những thay đổi trong ban điều hành trong năm:

STT	Họ và Tên	Chức vụ	CMND	Ngày thôi giữ chức	Ngày bổ nhiệm
1	Lê Doãn Long	Tổng giám đốc	181657843	17/6/2020	
2	Bùi Kiều Hưng	Tổng giám đốc	181937164		17/6/2020

- Số lượng cán bộ, nhân viên: Tổng số lao động 472 người; và trong năm không có thay đổi lớn trong chính sách đối với người lao động.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

a) Các dự án đầu tư

Các dự án đã được thực hiện theo đúng các quy định của pháp luật và điều lệ Công ty. Cụ thể như sau:

- Các dự án đầu tư đã thực hiện hoàn thành.

ĐVT: triệu đồng

TT	Hạng mục	Số lượng	Kế hoạch	Thực hiện quyết toán	Giá trị tiết kiệm trong đầu tư	Ngày hoàn thành
I	Máy móc thiết bị,		15.900	11.227	4.673	

	dụng cụ					
1	Máy xúc lật 3,2m ³	02	5.000	2.560	2.440	20/11/2020
2	Khung chụp container	02	1.300	1.194	106	10/12/2020
3	Ngoặtm 12 m ³	01	1.100	836	264	05/12/2020
4	Máy xúc lật 2.2m ³	01	1.000	837	163	26/08/2020
5	Đầu kéo cont	03	7.500	5.800	1.700	25/01/2021
II	Các hạng mục đầu tư khác		3.000	1.809	-	
1	Máy photocopy	01		50		22/06/2020
2	Phễu rót hàng rời	01		532		23/12/2020
3	Xe ô tô Fortuner 7 chỗ	01		1.105		02/12/2020
4	Sơmi Romooc 5692	01		122		01/11/2020
Tổng			18.900	13.036	4.673	

- Các dự án đang triển khai thực hiện.

DVT: triệu đồng

TT	Hạng mục	Số lượng	Kế hoạch	Giá trị hợp đồng/dự toán	Dự kiến giá trị tiết kiệm trong đầu tư	Ngày dự kiến hoàn thành
I	Xây dựng cơ bản		15.997	15.718	2.299	
1	Trạm biến áp cầu 2	01	2.500	2.256	244	Quý I/2021
2	Đầu tư nâng cấp bãi 1A, 1B	01	8.497	8.497	1.275	Quý I/2021
3	Nâng cấp sửa chữa bãi sau cầu 3	01	5.000	4.965	780	Quý I/2021
II	Máy móc thiết bị, dụng cụ		32.000	27.780	4.220	
1	Cầu sức nâng 40-45 tấn lắp đặt trên chân đế số 1 cầu 4; chuyển phần cầu đế số 1 sang cầu 2 lắp trụ cố định mới	01	30.000	27.000	3.000	Quý I/2021

2	Phần mềm quản lý khai thác cảng	01	1.000	480	520	Quý II/2021
3	Đầu tư mới 01 cầu chân đế 40-45 tấn (Hoán cải cầu CĐ 2 cầu 4 chuyển sang cầu 2 lắp trụ cố định mới	01	1.000	300	700	Quý IV/2021
III	Các hạng mục đầu tư khác		3.000	1.119	-	
1	Sơ mi rơ mooc	03		1.119	-	Quý II/2021
Tổng			50.997	44.617	6.519	

- Các dự án chuyển tiếp thực hiện trong năm 2021.

ĐVT: triệu đồng

TT	Hạng mục	Số lượng	Kế hoạch	Lý do
I	Máy móc thiết bị, dụng cụ		10.500	
1	Xe ô tô	06	8.000	Do yếu tố khách quan ảnh hưởng đến cơ cấu mặt hàng thông qua cảng.
2	Xe nâng chui cont	02	2.500	
Tổng			10.500	

Do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid - 19 đang diễn ra phức tạp, việc thông quan hàng hóa tại Cửa khẩu gặp rất nhiều vấn đề khó khăn dẫn đến làm sụt giảm sản lượng các mặt hàng từ Lào về thông qua Cảng và việc đầu tư 02 xe nâng chui con't, 06 xe ô tô vận chuyển hàng trong nội bộ cảng chủ yếu là để phục vụ các mặt hàng từ Lào; Do đó 2 hạng mục đầu tư này được đề xuất chuyển sang năm 2021 và lựa chọn thời điểm thích hợp để đầu tư mang lại hiệu quả kinh tế tốt nhất.

Như vậy trong năm 2020 Công ty đã cơ bản triển khai hết các hạng mục đầu tư đã được Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị phê duyệt, ngoài trừ 02 hạng mục đầu tư nêu trên chưa triển khai thực hiện thì tổng giá trị bằng tiền mà Công ty đã tiết kiệm được trong đầu tư là 11,192 tỷ đồng, chiếm 14,5% tổng mức các dự án đầu tư được phê duyệt và bằng 16,7% tổng mức các dự án đầu tư thực hiện

b) Các công ty con, công ty liên kết.

STT	Tên Công ty	Công ty con/liên	Vốn điều lệ thực góp	Tỷ lệ sở hữu	Thời điểm góp vốn	Lợi nhuận trong năm
-----	-------------	------------------	----------------------	--------------	-------------------	---------------------

		kết	(1.000 đồng)	(%)		(triệu đồng)
1	Công ty CP Lai dất và dịch vụ Hàng hải Cảng Cửa Lò	Liên kết	4.860.000	36	01/04/2016	1.046

- Về tình hình quản lý, sử dụng, bảo toàn và phát triển vốn:

Công ty CP lai dất và dịch vụ hàng hải Cảng Cửa Lò đã thực hiện các chế độ quản lý, sử dụng vốn và tài sản đúng các quy định tài chính và chế độ kế toán theo quy định của Nhà nước. Đến hết năm 2020 thì nguồn vốn góp của Công ty CP Cảng Nghệ Tĩnh vẫn được bảo toàn và sử dụng có hiệu quả.

- Lợi nhuận thu về từ hoạt động đầu tư:

Năm 2020 Công ty đã thu về cổ tức của năm 2019 tại Công ty CP Lai dất và dịch vụ Hàng hải Cảng Cửa Lò là: 1.046 triệu đồng; dự kiến mức lợi nhuận năm 2020 thu về là hơn 1,1 tỷ đồng.

Như vậy hoạt động đầu tư vào Công ty liên kết hiện tại đang đảm bảo tốt công tác bảo toàn phát triển vốn và lợi nhuận thu về cho Công ty

4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2019 (triệu đồng)	Năm 2020 (triệu đồng)	So sánh 2020/2019 (%)
Tổng giá trị tài sản	257.909	275.911	106,98
Doanh thu thuần	178.410	195.558	109,61
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	9.707	8.740	90,04
Lợi nhuận khác	1.362	4.199	308,30
Lợi nhuận trước thuế	11.069	12.940	116,90
Lợi nhuận sau thuế	8.851	11.166	126,16
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức dự kiến (Đồng/Cổ phiếu)	-	800	-

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	Ghi chú
<i>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn	2,38	2,74	
Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn			
+ Hệ số thanh toán nhanh	2,31	2,71	
<u>Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho</u>			
<u>Nợ ngắn hạn</u>			



2. <i>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i> + Hệ số Nợ/Tổng tài sản + Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,13 0,15	0,15 0,17	
3. <i>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i> + Vòng quay hàng tồn kho Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân Doanh thu thuần/Tổng tài sản	57,68 0,69	92,04 0,71	
4. <i>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i> + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản + Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0,05 0,04 0,034 0,062	0,06 0,05 0,04 0,045	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a) Cổ phần

Tổng số Cổ phần	Cổ phần tự do chuyển nhượng	Cổ phần hạn chế chuyển nhượng	Ghi chú
21.517.200	14.965.913	6.551.287	

b) Cơ cấu cổ đông

- Cơ cấu cổ đông phân theo tỷ lệ sở hữu

STT	Cổ đông	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ (%)	Ghi chú
Cổ đông lớn (02 cổ đông)		15.567.928	72,35	
1	Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam – Công ty TNHH Một thành viên	10.973.772	51	
2	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuần Lộc	4.594.156	21,35	
Cổ đông nhỏ (558 cổ đông)		5.949.272	27,65	
Tổng cộng		21.517.200	100	



- Cơ cấu cổ đông phân theo tổ chức và cá nhân trong nước (không có cổ đông nước ngoài)

STT	Cổ đông	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ (%)	Ghi chú
Cổ đông là tổ chức (04 cổ đông)		16.213.674	75,35	
1	Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam – Công ty TNHH Một thành viên	10.973.772	51	Cổ đông Nhà nước
2	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuần Lộc	4.594.156	21,35	
3	Công đoàn Công ty CP Cảng Nghệ Tĩnh	645.516	3	
4	Công ty TNHH TM Nông lâm Trà Lân	260	-	
Cổ đông là cá nhân (556 cổ đông)		5.303.496	24,65	
Tổng cộng		21.517.200	100	

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không có

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có

e) Các chứng khoán khác: Không có

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

6.1. Tác động lên môi trường:

Các sáng kiến và biện pháp giảm thiểu phát thải khí nhà kính: Giảm thiểu sử dụng các phương tiện thiết bị đã cũ và thay thế bằng các phương tiện thiết bị hiện đại; sử dụng nhiều hơn các tra thiết bị hoạt động bằng điện.

6.2. Quản lý nguồn nguyên vật liệu

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm. Với đặc thù là doanh nghiệp kinh doanh sản phẩm dịch vụ nên lượng nguyên vật liệu chiếm tỷ trọng rất nhỏ trong chi phí SXKD của Công ty, tương ứng 5% tổng chi phí SXKD; đây chính là chi phí công cụ dụng cụ sản xuất.

b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức: Do đặc thù ngành nghề kinh doanh dịch vụ nên Công ty không có sử dụng nguyên vật liệu tái chế.

6.3. Tiêu thụ năng lượng

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp: Điện năng tiêu thụ ước chừng trong năm cho bộ phận trực tiếp là 1.100 nghìn KWh và bộ phận gián tiếp là: 100 nghìn KWh.

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: Không có các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng: Không có các sáng kiến tiết kiệm năng lượng hiệu quả

6.4. Tiêu thụ nước

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng

Nguồn nước tiêu thụ được cung cấp từ các Nhà máy nước trên địa bàn, với lượng nước sử dụng trong năm khoảng: 20.400 m³, lượng nước này sử dụng với mục đích cung cấp nước sạch cho tàu và nước sinh hoạt..

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử. Không có

6.5. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có vi phạm

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không

6.6. Chính sách liên quan đến người lao động

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động

- Số lượng lao động: 472

- Mức lương trung bình đối với người lao động: 11.951.000 đồng/người/tháng.

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động

Chính sách chăm sóc sức khỏe của Công ty được quan tâm để cán bộ nhân viên luôn có được thể trạng tốt nhất từ đó phát huy tính sáng tạo, nâng cao hiệu quả công việc. Hàng năm, Công ty tổ chức kiểm tra sức khỏe định kỳ, phân loại lao động để có kế hoạch chăm sóc, tổ chức nghỉ dưỡng, phục hồi sức khỏe cho người lao động. Khuyến khích cán bộ nhân viên rèn luyện sức khỏe thông qua các phong trào thể dục thể thao. Cải tạo môi trường làm việc thoáng mát, chống ồn, giảm bụi bặm, tổ chức các lớp học an toàn lao động cho tất cả các đối tượng trong toàn Công ty. Vào mùa hè, tổ chức tham quan nghỉ mát du lịch, bồi dưỡng cung cấp nước đá cho người lao động trong mùa hè nóng nực.

Các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp được Công ty thực hiện theo đúng qui định pháp luật và đảm bảo toàn thể cán bộ công nhân viên đều được hưởng đầy đủ các chế độ bảo hiểm. Nhiều năm liền Công ty CP Cảng Nghệ Tĩnh thực hiện tốt công tác bảo hiểm và nhận bằng khen của cơ quan Bảo hiểm xã hội tỉnh Nghệ An. Thực hiện xây dựng và ban hành Hệ thống thang bảng lương, mức lương theo đúng quy định của pháp luật hiện hành

c) Hoạt động đào tạo người lao động

- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên:

Bình quân số giờ đào tạo mỗi năm là 320 giờ/năm.

- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động:

Tổ chức đào tạo, đào tạo lại và tham gia các lớp tập huấn nghiệp vụ, bồi dưỡng nghiệp vụ, kỹ năng làm việc để nâng cao trình độ tay nghề, nghiệp vụ cho người lao động để đáp ứng tốt yêu cầu đòi hỏi yêu cầu sản xuất kinh doanh.

6.7. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Trong năm 2020 Công ty đã chi hỗ trợ, ủng hộ các Quỹ tại địa phương và cộng đồng với tổng số tiền là 523.200.000 đồng.

6.8. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN

Công ty chưa có hoạt động liên quan đến thị trường vốn xanh

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

*** Khó khăn, vướng mắc**

- Tàu cá của ngư dân thường xuyên chiếm dụng cầu Cảng Cửa Lò làm nơi neo đậu, gây cản trở đến việc khai thác cầu bến, an toàn hàng hải và an ninh trật tự trên bến cảng.

- Vùng nước trước bến thường xuyên bị bồi lắng gây tổn kém chi phí duy tu bảo dưỡng hàng năm. Luồng tàu ra vào Cảng bị bồi lắng hiện chỉ còn sâu - 5,7m so với - 7,2m theo thiết kế hạn chế các tàu có trọng tải từ 15.000 DWT đến 25.000 DWT giảm tải ra vào.

- Cảng Cửa Lò là khu vực có rất nhiều dân cư tập trung sinh sống xung quanh nên đã ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Cảng như: một số mặt hàng không thể tổ chức sản xuất 24h/24h theo thông lệ quốc tế (do tiếng ồn) như mặt hàng đá rori các loại nên đã làm giảm năng suất bốc xếp và tăng chi phí sản xuất; ngoài mặt hàng than... do tính chất của những mặt hàng này là gây ra bụi bẩn trong quá trình xếp dỡ hàng nên không được sự đồng thuận của người dân, mặc dù doanh nghiệp đã áp dụng rất nhiều biện pháp giảm thiểu hiện tượng bụi than gây ô nhiễm môi trường như: phủ bạt,

tưới nước, quét dọn, phun rửa bánh xe trước khi mang hàng ra khỏi Cảng và xe di chuyển chậm lúc đi qua khu dân cư.

- Luồng vào cảng Bến Thủy cạn, chỉ đảm bảo cho tàu < 2.000 DWT ảnh hưởng đến kế hoạch hàng hóa và sản xuất kinh doanh, mặt khác thị trường than của các nhà máy sản xuất VLXD không ổn định và có xu hướng giảm.

- Hiện nay tình hình dịch bệnh Covid-19 trong và ngoài nước vẫn đang diễn biến phức tạp, khó lường ảnh hưởng trực tiếp tới các mặt hàng từ Lào.

- Tình hình thời tiết diễn biến khó lường nên đã ảnh hưởng đến hoạt động SXKD của Cảng.

*** Kết quả đạt được:**

Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện 2019	Thực hiện 2020	So sánh (%) 2020/2019
Sản lượng	Tấn	3.781.116	4.286.987	113,38
Doanh thu	Tr.đồng	182.936	205.810	112,50
+ SXKD	Tr.đồng	178.410	195.559	
+ Thu tài chính	Tr.đồng	2.571	4.004	
+ Thu khác	Tr.đồng	1.955	6.247	
Chi phí	Tr.đồng	171.867	192.970	112,28
+ QLDN	Tr.đồng	17.557	21.958	
+ Giá vốn	Tr.đồng	153.653	168.798	
+ Chi tài chính	Tr.đồng	64	66	
+ Chi khác	Tr.đồng	593	2.048	
Lợi nhuận TT	Tr.đồng	11.069	12.940	116,90
Lợi nhuận sau thuế	Tr.đồng	8.851	11.166	126,16
Nộp ngân sách	Tr.đồng	17.335	21.531	-
Tổng tài sản	Tr.đồng	257.909	275.911	-
Nợ phải trả	Tr.đồng	33.533	41.435	-
Vốn chủ sở hữu	Tr.đồng	224.376	234.476	-
Chi phí tiền lương	Tr.đồng	50.674	59.120	-
Tỷ suất Lợi nhuận ST/ Vốn CSH (ROE)	%	3,9	4,8	-



Tỷ suất Lợi nhuận ST/ Tổng TS (ROA)	%	3,4	4,0	-
Tỷ suất Lợi nhuận ST/ Doanh thu	%	4,8	5,4	-

2. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản

- Tổng số lượng: 216 tài sản, trong đó:

Hạng mục	Số Lượng	Nguyên Giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)
<i>Tài sản vô hình</i>	<i>1</i>	<i>395.862.000</i>	<i>46.183.900</i>
<i>Tài sản hữu hình</i>	<i>215</i>	<i>513.447.332.259</i>	<i>145.888.849.636</i>
+ <i>Dụng cụ quản lý</i>	7	673.486.818	400.649.330
+ <i>Máy móc, thiết bị động lực</i>	18	14.148.754.221	1.706.593.371
+ <i>Thiết bị, phương tiện vận tải xếp dỡ</i>	78	193.227.043.134	89.797.448.943
+ <i>Nhà cửa vật kiến trúc</i>	45	297.118.938.585	45.917.121.696
+ <i>Tài sản cố định khác</i>	67	15.707.221.866	8.151.787.148
Tổng cộng	216	521.321.106.624	145.935.033.536

- Biến động tăng giảm tài sản:

Hạng mục	Biến động tăng (đồng)	Biến động giảm (đồng)
<i>Tài sản vô hình</i>	-	-
<i>Tài sản hữu hình</i>	<i>7.477.912.365</i>	-
+ <i>Dụng cụ quản lý</i>	49.800.000	-
+ <i>Máy móc, thiết bị động lực</i>	-	-
+ <i>Thiết bị, phương tiện vận tải xếp dỡ</i>	4.102.672.728	-
+ <i>Nhà cửa vật kiến trúc</i>	-	-
+ <i>Tài sản cố định khác</i>	3.325.439.637	-

Tổng cộng	7.477.912.365	-
------------------	----------------------	---

- Đánh giá Hệ số hao mòn TSCĐ = Giá trị khấu hao/Nguyên giá = 0,048; Hệ số đổi mới TSCĐ = TSCĐ mới trong năm/Nguyên giá TSCĐ x 100% = 1,43%; các hệ số này cho thấy Tài sản cố định nhìn chung là cũ, và công ty đang chú trọng hơn đến công tác đầu tư xây dựng và mua sắm mới TSCĐ.

- Đánh giá Hiệu suất sử dụng TSCĐ = Doanh thu thuần trong kỳ/Nguyên giá TSCĐ bình quân = 0,38; Chỉ tiêu này cho thấy cứ mỗi đồng tài sản tạo ra 0,38 đồng doanh thu thuần.

- Đánh giá Tỷ suất sinh lời TSCĐ = Lợi nhuận ròng/Nguyên giá TSCĐ bình quân = 0,02; Chỉ tiêu này cho thấy cứ mỗi đồng tài sản tạo ra 0,02 đồng lợi nhuận ròng.

b) Tình hình nợ phải trả

- Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ:

Hệ số nợ = Nợ phải trả/Tổng tài sản = 0,15. Các khoản nợ đều nằm trong thời hạn thanh toán và không có nợ quá hạn.

- Phân tích nợ phải trả xấu, ảnh hưởng chênh lệch của tỉ lệ giá hối đoái đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, ảnh hưởng chênh lệch lãi vay. Hiện tại Công ty không có nợ xấu phải trả và các hoạt động kinh doanh có nguồn thu từ Ngoại tệ chịu sự ảnh hưởng của chênh lệch tỷ giá.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Thực hiện chỉ đạo của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cảng Nghệ Tĩnh về việc sắp xếp, tái cơ cấu tổ chức nhằm nâng cao hiệu quả SXKD để đáp ứng với cơ chế thị trường ngày càng cạnh tranh khắc nghiệt, sau khi các cảng trong khu vực đã đi vào khai thác (Cụm Cảng Nghi Sơn, Cảng Nghi Thiết, bến 5 Cảng Cửa Lò...). Một số mặt hàng bị san sẻ (Đá học, gỗ dăm, container, clinker, than...) do yếu tố cạnh tranh giảm giá cước xếp dỡ để thu hút khách hàng tại các cảng trong khu vực, bên cạnh đó yếu tố địa lý, quãng đường vận chuyển hàng hóa thuận lợi... kết hợp với sự giải quyết thông thoáng các yếu tố liên quan đến hàng hóa, vận tải... của các cơ quan chức năng tại các tỉnh lân cận là lý do để khách hàng rời cảng để ra đi.

Về chất lượng dịch vụ xếp dỡ hàng hóa trên thị trường đòi hỏi ngày càng cao nhưng hiện tại một số mặt hàng về năng suất, chất lượng xếp dỡ tại cảng còn chưa đáp ứng được với yêu cầu của khách hàng, phương tiện, thiết bị xếp dỡ mặc dù đã được đầu tư nhưng chưa đáp ứng kịp thời so với yêu cầu của SXKD nhiều lúc còn phải đi thuê ngoài (bị động trong khai thác). Đặc biệt cơ cấu tổ chức nhân lực một số bộ phận còn bất cập việc bố trí nhân sự chưa phù hợp với trình độ chuyên môn nghiệp vụ và năng lực công tác, cơ chế điều hành chưa linh hoạt, trình độ quản lý, chỉ đạo và giám sát quá trình SXKD của

một vài bộ phận chưa phát huy được hiệu quả làm ảnh hưởng đến công tác điều hành SXKD của công ty trong thời gian qua.

Mục tiêu lấy khách hàng làm trọng tâm, chăm sóc khách hàng, giữ chân khách hàng truyền thống và phát triển khách hàng mới là mục tiêu hàng đầu trong công tác SXKD của Công ty.

Nhằm thích nghi với sự thay đổi của môi trường kinh doanh và từng bước chủ động trong SXKD, xếp dỡ hàng hóa, giải phóng tàu nhanh, tìm kiếm việc làm và nâng cao hiệu quả sản xuất, đáp ứng với cơ chế thị trường ngày càng cạnh tranh khắc nghiệt thì việc tái cơ cấu, sắp xếp lại bộ máy tổ chức tại công ty là hết sức cần thiết

Công ty Cổ phần Cảng Nghệ Tĩnh đã thành lập Trung tâm khai thác tại Xí nghiệp xếp dỡ Cửa Lò vào tháng 12 năm 2020.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

- Phần đầu trở thành một trong những Công ty khai thác cảng biển hàng đầu trong khu vực Bắc Trung Bộ về lĩnh vực cung cấp dịch vụ xếp dỡ hàng container.

- Công ty cổ phần Cảng Nghệ Tĩnh cam kết cung cấp dịch vụ cảng biển tốt nhất, giúp khách hàng đạt được mục tiêu trong chiến lược kinh doanh bền vững, lâu dài.

- Công ty luôn đánh giá sự thành công thông qua các yếu tố như: chất lượng dịch vụ tốt, an toàn trong xếp dỡ hàng hóa và giá thành hợp lý. Đặc biệt là sự thành công của các khách hàng và các đối tác liên quan.

- Giá trị cốt lõi

“Uy tín - Chất lượng - Hiệu quả” Công ty cổ phần Cảng Nghệ Tĩnh luôn làm hài lòng các khách hàng.

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có)

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...)

Công ty CP Cảng Nghệ Tĩnh với 2 Xí nghiệp trực thuộc là Xí nghiệp xếp dỡ Cửa Lò (Cảng Cửa Lò) và Xí nghiệp xếp dỡ Bến Thủy (Cảng Bến Thủy) hàng năm đều được thực hiện công tác Quan trắc môi trường hàng quý theo các quy định của Nhà nước.

b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động

Công ty thường xuyên quan tâm đến môi trường làm việc của người lao động và thuê các đơn vị chức năng thực hiện Báo cáo về việc Quan trắc môi trường lao động.

c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

Năm 2020, Công ty CP Cảng Nghệ Tĩnh đã chung tay hỗ trợ cuộc phát động “Tết vì người nghèo năm 2020” do Tỉnh ủy, UBND tỉnh Nghệ An kêu gọi với tổng số tiền là 150 triệu đồng; ủng hộ Quỹ bảo trợ trẻ em: 66.937.000 đồng; Quỹ đền ơn đáp nghĩa: 66.263.000 đồng; Hỗ trợ các học sinh trong tỉnh có hoàn cảnh khó khăn đạt điểm cao trong các kỳ thi: 10 triệu đồng; Hỗ trợ xây nhà cho Hộ nghèo trên địa bàn Tỉnh: 70 triệu

đồng; Hỗ trợ đồng bào Miền trung bị thiên tai lũ lụt: 130 triệu đồng; Tham gia hỗ trợ phòng chống dịch Covid 19: 30 triệu đồng. Tổng số tiền Công ty CP Cảng Nghệ Tĩnh đã tham gia công tác xã hội năm 2020 là: 523.200.000 đồng.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội

Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2019	Kế hoạch 2020	Thực hiện năm 2020	So sánh (%) thực hiện 2020 với	
					Kế hoạch 2020	Thực hiện 2019
Sản lượng	Tấn	3.781.116	3.800.000	4.286.987	112,81	113,38
Doanh thu	Triệu đồng	182.936	185.000	205.810	111,25	112,50
Lợi nhuận	Triệu đồng	11.069	12.400	12.940	104,35	116,90

- Sản lượng hàng hóa thông qua năm 2020 đạt 4.286.987 tấn, tăng 13,38% so với năm 2019 và tăng 12,81% so với kế hoạch năm 2020.

Trong đó:

- + Hàng xuất khẩu đạt 933.832 tấn, tăng 8,17% so với cùng kỳ năm 2019.
- + Hàng quá cảnh đạt 475.629 tấn, đạt 85,34% so với cùng kỳ năm 2019.
- + Hàng nhập khẩu đạt 401.913 tấn, tăng 196,75% so với cùng kỳ năm 2019.
- + Hàng nội địa đạt 2.475.613 tấn, tăng 11,26% so với năm 2019
- + Hàng container đạt 93.196 TEU tương đương 1.634.627 tấn thông qua, tăng 4,07% so với năm 2019.

- Sản lượng hàng hoá bốc xếp năm 2020 đạt 8.435.883 tấn tăng 8,12% so với cùng kỳ năm 2019.

- **Doanh thu** từ hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020 đạt 205,810 tỷ đồng tăng 12,5% so với doanh thu cùng kỳ năm 2019 và tăng 11,25% so với kế hoạch năm 2020.

- **Lợi nhuận** trước thuế đạt 12.940 triệu đồng tăng 16,9% (tương ứng 1.871 triệu đồng) so với năm 2019.

- **Công tác đầu tư:** Các dự án đã thực hiện, được tiến hành đúng các quy trình, thủ tục đầu tư theo các quy định của pháp luật và công ty. Các dự án hoàn thành được đưa vào sử dụng đảm bảo hiệu quả cho hoạt động SXKD của Công ty

- **Công tác tài chính:** Công tác quản lý tài chính trong năm 2020 luôn được chú trọng đúng mức, công tác kiểm toán, kiểm soát chi tiêu tài chính trong hoạt động sản xuất

kinh doanh, trong xây dựng cơ bản thường xuyên được tăng cường, công khai minh bạch tài chính đảm bảo theo điều lệ, quy định của pháp luật. Thực hiện tốt công tác công bố thông tin và quan hệ cổ đông theo quy định của pháp luật đối với công ty niêm yết.

- **Công tác môi trường và trách nhiệm xã hội:** Mặc dù do đặc thù của công tác sản xuất chung, hàng hóa thông qua Cảng là các mặt hàng tổng hợp thường xuyên gây ra bụi làm tác động đến môi trường nhưng Công ty cũng đã rất cố gắng và có rất nhiều giải pháp trong việc hạn chế những ảnh hưởng này. Tuy nhiên trong tương lai Công ty sẽ cần có biện pháp tối ưu hơn nữa để hạn chế tối đa sự ảnh hưởng đến môi trường và đồng thời xây dựng môi trường xanh cho Cảng.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty

Năm 2020 các thành viên Ban điều hành và cán bộ quản lý công ty đã thực hiện tốt các nhiệm vụ của mình trong việc sử dụng và phát huy các nguồn lực về vốn, tài sản và lao động của công ty, tổ chức thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh theo kế hoạch Đại hội đồng cổ đông giao, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với nhà nước, các chế độ chính sách với người lao động

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Căn cứ vào dự báo tình hình thị trường ở khu vực trong thời gian tới; Hội đồng quản trị định hướng kế hoạch SXKD năm 2021 như sau:

Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận:

- Sản lượng: 4.400.000 tấn
- Doanh thu thuần: 205.000 triệu đồng
- Lợi nhuận trước thuế: 14.500 triệu đồng

V. Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị

Trong năm 2020 đã có sự biến động trong nhân sự của Hội đồng quản trị tại Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 17/06/2020 do các thành viên Hội đồng quản trị hết nhiệm kỳ và được Đại hội bầu lại nhiệm kỳ mới; cụ thể như sau:

- Các thành viên Hội đồng quản trị được Đại hội miễn nhiệm do hết nhiệm kỳ.

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết (%)	Chức danh năm giữ tại Công ty khác
1	Ông Nguyễn Văn Hạnh	Chủ tịch HĐQT	-	
2	Ông Lê Duy Dương	Thành viên HĐQT	-	



3	Ông Hoàng Tất Thắng	Thành viên HĐQT	-	
4	Ông Lê Doãn Long	Thành viên HĐQT	0,21(44.900 CP)	
5	Ông Nguyễn Hồng Sơn	Thành viên HĐQT	-	

- Các thành viên Hội đồng quản trị được Đại hội bầu cho nhiệm kỳ mới.

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết (%)	Chức danh năm giữ tại Công ty khác
1	Ông Lê Doãn Long	Chủ tịch HĐQT	0,21(44.900 CP)	
2	Ông Bùi Kiều Hưng	Thành viên HĐQT	0,07(15.925 CP)	
3	Ông Trần Văn Đạt	Thành viên HĐQT	0,15(32.150 CP)	Giám đốc Công ty CP lai dất và dịch vụ Hàng hải Cảng Cửa Lò
4	Bà Trịnh Thị Ngọc Biền	Thành viên HĐQT	-	
5	Ông Nguyễn Hồng Sơn	Thành viên HĐQT	-	

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị. Không có

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị

Với vai trò là cơ quan quản lý cao nhất đại diện cho quyền lợi các cổ đông; trong năm 2020, HĐQT đã tích cực thực hiện vai trò, nhiệm vụ theo chuẩn mực quản trị của Công ty Cổ phần. Hội đồng quản trị tổ chức hoạt động chuyên trách, ra quyết định và có sự phân công nhiệm vụ cho các thành viên HĐQT trong từng lĩnh vực hoạt động cụ thể. Các thành viên HĐQT đã tham dự đầy đủ các cuộc họp và tham gia các ý kiến, biểu quyết độc lập về các vấn đề quyết định của HĐQT cũng như cho ý kiến đầy đủ tại các phiếu lấy ý kiến bằng văn bản của HĐQT. HĐQT đã thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng quy định của luật doanh nghiệp, pháp luật có liên quan, Điều lệ công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Trong năm 2020 Hội đồng quản trị đã tiến hành 04 cuộc họp Hội đồng quản trị và thực hiện 16 lần lấy ý kiến bằng văn bản; tại các cuộc họp và lấy ý kiến này Hội đồng quản trị đã ban hành 14 Nghị quyết, 12 Quyết định; cụ thể như sau:



ST T	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua								
1	Nghị quyết số: 53/NQ-HĐQT	09/03/2020	<p>Nghị quyết</p> <p>- Chấp thuận cho Người đại diện phần vốn tham gia ý kiến biểu quyết đồng ý phê duyệt phương án đầu tư hoàn cải thay máy chính tàu kéo CL09 của Công ty CP Lai dất và dịch vụ hàng hải Cảng Cửa Lò tại cuộc họp Hội đồng quản trị Công ty CP lai dất và dịch vụ hàng hải Cảng Cửa Lò.</p> <p>- Phê duyệt Báo cáo tài chính năm 2019 đã được kiểm toán theo Nội dung Tờ trình số 49/CNT-TTr ngày 02/03/2020.</p>	100%								
2	Nghị quyết số: 98/NQ-HĐQT	20/04/2020	<p>Nghị quyết</p> <p>- Thông qua tạm giao kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư năm 2020 theo với các chỉ tiêu chính như sau (chi tiết theo nội dung Tờ trình số 76/TTr-CNT ngày 16/03/2020):</p> <table border="0" data-bbox="702 918 845 1456"> <tr> <td>Sản lượng:</td> <td>3.800.000 tấn</td> </tr> <tr> <td>Doanh thu:</td> <td>185 tỷ đồng</td> </tr> <tr> <td>Lợi nhuận:</td> <td>12,4 tỷ đồng</td> </tr> <tr> <td>Kế hoạch đầu tư:</td> <td>61,747 tỷ đồng).</td> </tr> </table> <p>- Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu, gói thầu số 1: Cung cấp phần cầu và lắp ráp lên Chân đế số 1 tại cầu 4, thuộc dự án đầu tư 01 cầu trục chân đế 40 tấn tại cảng Cửa Lò phục vụ sản xuất kinh doanh của Xí nghiệp xếp dỡ Cửa Lò theo nội dung Tờ trình số 77/TTr-CNT ngày 16/03/2020.</p> <p>- Phê duyệt dự thảo Hợp đồng, gói thầu số 1: Cung cấp phần cầu và lắp ráp lên Chân đế số 1 tại cầu 4, thuộc dự án đầu tư 01 cầu trục chân đế 40 tấn tại cảng Cửa Lò phục vụ sản xuất kinh doanh của Xí nghiệp xếp dỡ Cửa Lò theo nội dung Tờ trình số 78/TTr-CNT ngày 18/03/2020; bao gồm 19 Điều và 03 Phụ lục kèm theo (có dự thảo Hợp đồng kèm theo).</p> <p>- Ủy quyền cho Tổng giám đốc thực hiện việc ký kết Hợp đồng gói thầu số 1: Cung cấp phần cầu và lắp ráp lên Chân đế số 1 tại cầu 4, thuộc dự án đầu tư 01 cầu trục chân đế 40 tấn tại cảng Cửa Lò phục vụ sản xuất kinh doanh của Xí nghiệp xếp dỡ Cửa Lò; trên cơ sở dự thảo đã được phê duyệt và triển khai việc thực hiện Hợp đồng theo đúng các quy định Pháp luật hiện hành có liên quan.</p>	Sản lượng:	3.800.000 tấn	Doanh thu:	185 tỷ đồng	Lợi nhuận:	12,4 tỷ đồng	Kế hoạch đầu tư:	61,747 tỷ đồng).	100%
Sản lượng:	3.800.000 tấn											
Doanh thu:	185 tỷ đồng											
Lợi nhuận:	12,4 tỷ đồng											
Kế hoạch đầu tư:	61,747 tỷ đồng).											

3	Nghị quyết số: 134/NQ- HĐQT	04/05/2020	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua Bản tự nhận xét, đánh giá kết quả công tác Người đại diện phân vốn năm 2019 và Bản tự nhận xét, đánh giá kết quả công tác Người đại diện phân vốn nhiệm kỳ 2015 – 2019 của ông Lê Doãn Long và ông Lê Duy Dương với mức xếp loại là Hoàn thành nhiệm vụ cho năm 2019 và cả nhiệm kỳ 2015 - 2019. - Thông qua mức xếp loại: “Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm 2019” cho Ông Trần Văn Đạt là Người đại diện phân vốn của Công ty Cổ phần Cảng Nghệ Tĩnh tại Công ty Cổ phần Lai dất và Dịch vụ Hàng hải Cảng Cửa Lò. - Lựa chọn ngày 29/05/2020 là ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 và nhiệm kỳ 2015 – 2020. - Thông qua gia hạn thời gian tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 và nhiệm kỳ 2015 - 2020 trong tháng 6/2020. - Thông trình đại Hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 và nhiệm kỳ 2015 - 2020 các Nội dung cụ thể như sau: <ul style="list-style-type: none"> + Báo cáo Hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2019; + Báo cáo Hoạt động của Ban kiểm soát năm 2019; + Báo cáo kết quả Sản xuất kinh doanh, đầu tư năm 2019 và đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh năm 2020; + Tờ trình về việc Thông qua Báo cáo tài chính năm 2019 đã được kiểm toán; + Tờ trình về việc Thông qua Phương án phân phối lợi nhuận năm 2019; + Tờ trình về Tổng mức Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2019 và Kế hoạch thù lao năm 2020; + Tờ trình về việc Lựa chọn đơn vị kiểm toán cho báo cáo tài chính năm 2020; + Tờ trình về việc Thông qua Kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư năm 2020; + Tờ trình về việc Miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị hết nhiệm kỳ. 	100%
4	Nghị quyết số: 166/NQ- HĐQT	08/06/2020	<ul style="list-style-type: none"> - Phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu, Gói thầu số 2: Chế tạo trụ cố định và lắp đặt lên ống móng tại cầu 2 - Tháo phần cầu quay Liebherr CBW 40/29,5 của cầu Chân đế số 1 tại cầu 4 và lắp ráp lên trụ cố định tại cầu 2 thuộc dự án Đầu tư 01 cầu trục chân đế 40 tấn tại cảng Cửa Lò phục vụ sản xuất kinh doanh của Xi nghiệp xếp dỡ Cửa Lò theo Nội dung tờ trình số: 155/TT-CNT ngày 29/05/2020 của Tổng giám đốc. - Phê duyệt kết Hồ sơ mời thầu, gói thầu số 2: Chế tạo trụ cố định và lắp đặt lên ống móng tại cầu 2 - Tháo phần cầu quay Liebherr CBW 40/29,5 của cầu Chân đế số 1 tại cầu 4 và lắp ráp lên 	100%

			trụ cố định tại cầu 2 thuộc dự án Dầu tư 01 cần trục chân đế 40 tấn tại cảng Cửa Lò phục vụ sản xuất kinh doanh của Xí nghiệp xếp dỡ Cửa Lò theo Nội dung tờ trình số: 154/TTr-CNT ngày 29/05/2020 của Tổng giám đốc.																														
5	Nghị quyết số: 181/NQ- HQQT	17/06/2020	- Bầu Ông Lê Doãn Long giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2020 - 2025. - Bổ nhiệm Ông Bùi Kiều Hưng giữ chức vụ Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Cảng Nghệ Tĩnh nhiệm kỳ 2020 - 2025.	100%																													
6	Nghị quyết số: 211/NQ- HQQT	29/06/2020	- Thông qua lựa chọn Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC (AASC) là đơn vị thực hiện kiểm toán cho Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2020 của Công ty CP Cảng Nghệ Tĩnh.	100%																													
7	Nghị quyết số: 219/NQ- HQQT	01/07/2020	- Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư năm 2020 của Công ty CP Cảng Nghệ Tĩnh; cụ thể như sau: • Về Kế hoạch SXKD	100%																													
		<table border="1"> <thead> <tr> <th>TT</th> <th>Hạng mục</th> <th>Đơn vị</th> <th>Kế hoạch 2020</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>1</td> <td>Lao động</td> <td>Người</td> <td>504</td> </tr> <tr> <td>2</td> <td>Sản lượng hàng hóa thông qua</td> <td>Tấn</td> <td>3.800.000</td> </tr> <tr> <td>3</td> <td>Doanh thu</td> <td>Triệu đồng</td> <td>185.000</td> </tr> <tr> <td>4</td> <td>Chi phí</td> <td>"</td> <td>172.600</td> </tr> <tr> <td>5</td> <td>Lợi nhuận</td> <td>"</td> <td>12.400</td> </tr> <tr> <td>6</td> <td>Cổ tức (3,5%)</td> <td>VND/CP</td> <td>350</td> </tr> </tbody> </table>		TT	Hạng mục	Đơn vị	Kế hoạch 2020	1	Lao động	Người	504	2	Sản lượng hàng hóa thông qua	Tấn	3.800.000	3	Doanh thu	Triệu đồng	185.000	4	Chi phí	"	172.600	5	Lợi nhuận	"	12.400	6	Cổ tức (3,5%)	VND/CP	350		
TT	Hạng mục	Đơn vị	Kế hoạch 2020																														
1	Lao động	Người	504																														
2	Sản lượng hàng hóa thông qua	Tấn	3.800.000																														
3	Doanh thu	Triệu đồng	185.000																														
4	Chi phí	"	172.600																														
5	Lợi nhuận	"	12.400																														
6	Cổ tức (3,5%)	VND/CP	350																														
		• Về Kế hoạch đầu tư																															
		<table border="1"> <thead> <tr> <th>TT</th> <th>Hạng mục</th> <th>Đơn vị</th> <th>Chuyển tiếp từ năm 2019</th> <th>Kế hoạch năm 2020</th> <th>Ghi chú</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>A</td> <td>Xây dựng cơ bản</td> <td>Tr.đồng</td> <td>2.500</td> <td>13.497</td> <td></td> </tr> <tr> <td>1</td> <td>01 Trạm biến áp cầu 2</td> <td>Tr.đồng</td> <td>2.500</td> <td></td> <td></td> </tr> </tbody> </table>		TT	Hạng mục	Đơn vị	Chuyển tiếp từ năm 2019	Kế hoạch năm 2020	Ghi chú	A	Xây dựng cơ bản	Tr.đồng	2.500	13.497		1	01 Trạm biến áp cầu 2	Tr.đồng	2.500														
TT	Hạng mục	Đơn vị	Chuyển tiếp từ năm 2019	Kế hoạch năm 2020	Ghi chú																												
A	Xây dựng cơ bản	Tr.đồng	2.500	13.497																													
1	01 Trạm biến áp cầu 2	Tr.đồng	2.500																														

2	Đầu tư cải tạo Bãi chứa hàng 1A, 1B	Tr.đồng	8.497									
3	Nâng cấp cải tạo bãi chứa hàng tại cảng Cửa Lò	Tr.đồng	5.000									
B	Máy móc thiết bị, dụng cụ	Tr.đồng	28.400	30.000								
1	Đầu tư mới 01 cầu chân đế 40 tấn tại Cảng Cửa Lò (hoán cải chân đế số 1 tại cầu 4, chuyển sang cầu 2 lắp đặt trụ cố định mới)	Tr.đồng	30.000									
2	Đầu tư mới 01 cầu chân đế 40 tấn tại Cảng Cửa Lò (hoán cải chân đế số 2 tại cầu 4, chuyển sang cầu 2 lắp đặt trụ cố định mới)	Tr.đồng	1.000			Tổng mức đầu tư 30 tỷ. Năm 2020 thực hiện công tác chuẩn bị đầu tư.						
3	06 xe ô tô	Tr.đồng	8.000									
4	02 máy xúc lật 3,2m3	Tr.đồng	5.000									
5	03 đầu kéo chuyên dụng	Tr.đồng	7.500									
6	02 xe nâng chui container	Tr.đồng	2.500									
7	02 gầu ngoạm 6m3	Tr.đồng	1.100									
8	02 khung chụp container	Tr.đồng	1.300									
9	01 máy xúc lật 2.2m3	Tr.đồng	1.000									
10	Phát triển công nghệ thông tin (xây dựng phần mềm quản lý cảng tổng hợp và phần mềm tài chính kế	Tr.đồng	1.000									

	toán kết nối với Tổng công ty HHVN)					
C	Đầu tư khác	Tr.đồng	0	3.000		
1	Các hạng mục đầu tư khác	Tr.đồng	0	3.000		
Tổng cộng		Tr.đồng	32.500	44.897		
<p>- Trích lập các quỹ từ lợi nhuận năm 2019 là: 1.066.000.000 đồng (Một tỷ không trăm sáu mươi sáu triệu đồng), trong đó:</p> <p>+ Quỹ khen thưởng, phúc lợi là: 885.000.000 đồng.</p> <p>+ Quỹ thưởng Ban điều hành là: 181.000.000 đồng</p>						
8	Nghị quyết số: 227/NQ-HĐQT	08/07/2020	<p>- Đồng ý về chủ trương bổ nhiệm lại cán bộ Công ty CP Cảng Nghệ Tĩnh với các chức danh cụ thể như sau:</p> <p>+ Chức danh: Trưởng phòng Tổ chức cán bộ lao động đối với ông Trần Nam Hải</p> <p>+ Chức danh: Trưởng phòng Kế hoạch kinh doanh đối với ông Nguyễn Danh Hải</p> <p>+ Chức danh: Trưởng phòng Kỹ thuật vật tư đối với ông Phạm Quốc Việt</p> <p>+ Chức danh: Trưởng phòng Hành chính tổng hợp đối với ông Trần Bạch Hùng</p> <p>+ Chức danh: Giám đốc XNXD Bến Thủy đối với ông Nguyễn Quang</p> <p>+ Chức danh: Phó trưởng phòng Tài chính kế toán đối với bà Nguyễn Thị Thanh Hồng</p> <p>+ Chức danh: Phó trưởng phòng Tổ chức cán bộ lao động đối với bà Võ Thị Thành Huệ.</p> <p>+ Chức danh: Phó trưởng phòng Kỹ thuật vật tư đối với ông Hoàng An.</p> <p>+ Chức danh: Phó Giám đốc XNXD Cửa Lò đối với ông Yên Văn Phúc</p> <p>+ Chức danh: Thư ký Công ty đối với ông Trịnh Xuân Thương.</p> <p>- Cử ông Trần Văn Đạt - thành viên Hội đồng quản trị, phó Tổng giám đốc tham gia Tổ thẩm định các gói thầu thuộc Dự án đầu tư 01 căn trực chân đế 40 tầng tại Cảng Cửa Lò phục vụ sản xuất kinh doanh của Xí nghiệp xếp dỡ Cửa Lò và giữ vị trí Tổ trưởng tổ Thẩm định thay thế ông Bùi Kiều Hưng theo Quyết định thành lập Tổ thẩm định số: 18/QĐ-HĐQT ngày 24/01/2019 của Hội đồng quản trị.</p>			100%
9	Nghị quyết số:	27/07/2020	<p>- Phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu, Gói thầu số 3: Thi công phần nền móng tại cầu 2 Cảng</p>			100%



277/NQ- HQQT		Cửa Lò đề lắp đặt trụ cố định cầu 40 tấn thuộc dự án Đầu tư 01 cần trục chân đế 40 tấn tại cảng Cửa Lò phục vụ sản xuất kinh doanh của Xí nghiệp xếp dỡ Cửa Lò theo Nội dung tờ trình số: 239/TTr-CNT ngày 15/07/2020 của Tổng giám đốc (có Tờ trình kèm theo). - Phê duyệt kết Hồ sơ mời thầu, Gói thầu số 3: Thi công phần nền móng tại cầu 2 Cảng Cửa Lò để lắp đặt trụ cố định cầu 40 tấn thuộc dự án Đầu tư 01 cần trục chân đế 40 tấn tại cảng Cửa Lò phục vụ sản xuất kinh doanh của Xí nghiệp xếp dỡ Cửa Lò theo Nội dung tờ trình số: 240/TTr-CNT ngày 15/07/2020 của Tổng giám đốc (có Tờ trình và Hồ sơ mời thầu kèm theo).		
10	Nghị quyết số: 290/NQ- HQQT	04/08/2020	<p>Chấp thuận đề Tổng giám đốc bổ nhiệm lại cán bộ Công ty CP Cảng Nghệ Tĩnh với các chức danh cụ thể như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chức danh: Trưởng phòng Tổ chức cán bộ lao động đối với ông Trần Nam Hải - Chức danh: Trưởng phòng Kế hoạch kinh doanh đối với ông Nguyễn Danh Hải - Chức danh: Trưởng phòng Kỹ thuật vật tư đối với ông Phạm Quốc Việt - Chức danh: Trưởng phòng Hành chính tổng hợp đối với ông Trần Bạch Hùng - Chức danh: Giám đốc XNXD Bến Thủy đối với ông Nguyễn Quang - Chức danh: Phó trưởng phòng Tài chính kế toán đối với bà Nguyễn Thị Thanh Hồng - Chức danh: Phó trưởng phòng Tổ chức cán bộ lao động đối với bà Võ Thị Thành Hué. - Chức danh: Phó trưởng phòng Kỹ thuật vật tư đối với ông Hoàng An. - Chức danh: Phó Giám đốc XNXD Cửa Lò đối với ông Yên Văn Phúc. 	100%
11	Nghị quyết số: 305/NQ- HQQT	10/08/2020	<ul style="list-style-type: none"> - Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu, Gói thầu số 2: Chế tạo trụ cố định và lắp đặt lên ống móng tại cầu 2 - Tháo phần cầu quay Liebherr CBW 40/29,5 của cầu Chân đế số 1 tại cầu 4 và lắp ráp lên trụ cố định tại cầu 2, thuộc dự án đầu tư 01 cần trục chân đế 40 tấn tại cảng Cửa Lò phục vụ sản xuất kinh doanh của Xí nghiệp xếp dỡ Cửa Lò theo nội dung Tờ trình của Tổng giám đốc số: 285/TTr-CNT ngày 31/07/2020. - Phê duyệt dự thảo Hợp đồng, Gói thầu số 2: Chế tạo trụ cố định và lắp đặt lên ống móng tại cầu 2 - Tháo phần cầu quay Liebherr CBW 40/29,5 của cầu Chân đế số 1 tại cầu 4 và lắp ráp lên trụ cố định tại cầu 2, thuộc dự án đầu tư 01 cần trục chân đế 40 tấn tại cảng Cửa Lò phục vụ sản xuất kinh doanh của Xí nghiệp xếp dỡ Cửa Lò theo nội dung Tờ trình của Tổng giám đốc số: 286/TTr-CNT ngày 31/07/2020 - Giao Tổng giám đốc thực hiện việc ký kết Hợp đồng Gói thầu số 2: Chế tạo trụ cố định và lắp 	100%

				đặt lên ống móng tại cầu 2 - Tháo phần cầu quay Liebherr CBW 40/29,5 của cầu Chân đế số 1 tại cầu 4 và lắp ráp lên trụ cố định tại cầu 2, thuộc dự án đầu tư 01 cần trục chân đế 40 tấn tại cảng Cửa Lò phục vụ sản xuất kinh doanh của Xí nghiệp xếp dỡ Cửa Lò và triển khai thực hiện đảm bảo đúng các quy trình, quy định của Điều lệ Công ty và Pháp luật của Nhà nước.	
12	Nghị quyết số: 306/NQ- HQQT	11/08/2020		<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua phê duyệt Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2020 theo nội dung Tờ trình của Tổng giám đốc số: 289/TTr-CNT ngày 04/08/2020. 	100%
13	Nghị quyết số: 322/NQ- HQQT	14/08/2020		<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua Kế hoạch lao động tiền lương theo nội dung Tờ trình của Tổng giám đốc số: 304/TTr-CNT ngày 11/08/2020. - Thông qua chủ trương bổ nhiệm lại cán bộ với các chức danh cụ thể: <ul style="list-style-type: none"> + Chức danh Phó tổng giám đốc Công ty đối với ông Trần Văn Đạt + Chức danh Kế toán trưởng Công ty đối với ông Nguyễn Xuân Hùng - Thông qua chủ trương mua 01 xe ô tô; 01 Phuế rút hàng rời; 03 mooc kéo phục vụ công tác sản xuất kinh doanh từ nguồn vốn đầu tư khác năm 2020. 	100%
14	Nghị quyết số: 378/NQ- HQQT	20/10/2020		<ul style="list-style-type: none"> - Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu, Gói thầu số 3: Thi công phần nền móng tại cầu 2 Cảng Cửa Lò để lắp đặt trụ cố định cầu 40 tấn, thuộc dự án đầu tư 01 cần trục chân đế 40 tấn tại cảng Cửa Lò phục vụ sản xuất kinh doanh của Xí nghiệp xếp dỡ Cửa Lò theo nội dung Tờ trình số: 360/TTr-CNT ngày 02/10/2020 của Tổng giám đốc. - Phê duyệt dự thảo Hợp đồng, Gói thầu số 3: Thi công phần nền móng tại cầu 2 Cảng Cửa Lò để lắp đặt trụ cố định cầu 40 tấn, thuộc dự án đầu tư 01 cần trục chân đế 40 tấn tại cảng Cửa Lò phục vụ sản xuất kinh doanh của Xí nghiệp xếp dỡ Cửa Lò theo nội dung Tờ trình số: 361/TTr-CNT ngày 02/10/2020 của Tổng giám đốc. - Giao Tổng giám đốc thực hiện việc ký kết Hợp đồng Gói thầu số 3: Thi công phần nền móng tại cầu 2 Cảng Cửa Lò để lắp đặt trụ cố định cầu 40 tấn, thuộc dự án đầu tư 01 cần trục chân đế 40 tấn tại cảng Cửa Lò và triển khai thực hiện đảm bảo đúng các quy trình, quy định của Điều lệ Công ty và Pháp luật của Nhà nước. 	100%
II	Quyết định				
1	Quyết định số:	09/03/2020		- Phê duyệt kết quả đánh giá Hồ sơ đề xuất về kỹ thuật, Gói thầu số 1: Cung cấp phần cần và	100%

	54/QĐ-HĐQT			lắp ráp lên Chân đế số 1 tại cầu 4 thuộc dự án Đầu tư 01 cần trục chân đế 40 tấn tại cảng Cửa Lò phục vụ sản xuất kinh doanh của Xi nghiệp xếp dỡ Cửa Lò theo Nội dung Tờ trình số 48/TTr-CNT ngày 28/02/2020	
2	Quyết định số: 62/QĐ-HĐQT	19/03/2020		<ul style="list-style-type: none"> - Ban hành kèm theo quyết định này: “Quy chế trả lương đối với cán bộ, công nhân viên Công ty CP Cảng Nghệ Tĩnh”, bao gồm 4 Chương 19 Điều và 02 Phụ lục. - Miễn nhiệm ông Nguyễn Văn Hạnh chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty CP Cảng Nghệ Tĩnh là Người đại diện phần vốn góp của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam. - Cử ông Lê Doãn Long thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc Công ty CP Cảng Nghệ làm Người phụ trách điều hành hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty CP Cảng Nghệ Tĩnh cho đến khi có nhân sự giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị (thực hiện tại Đại hội cổ đông gần nhất của Công ty). - Ban hành kèm theo quyết định này: “Quy chế làm việc tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 và nhiệm kỳ 2015 - 2020”, bao gồm 5 Chương và 16 Điều. 	100%
3	Quyết định số: 96/QĐ-HĐQT	19/04/2020		<ul style="list-style-type: none"> - Thành lập Ban kiểm tra tư cách cổ đông tại phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 và nhiệm kỳ 2015 - 2020 Công ty CP Cảng Nghệ Tĩnh, bao gồm các Ông (bà) có tên sau: 1- Ông Nguyễn Quang: Giám đốc XNXD Bến Thủy – Trưởng ban 2- Ông Phạm Quốc Việt: Trưởng phòng KTVT – Thành viên, thư ký 3- Bà Võ Thị Thành Huế: Phó phòng TCCBLĐ – Thành viên. 	100%
4	Quyết định số: 135/QĐ-HĐQT	04/05/2020		<ul style="list-style-type: none"> - Thành lập Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 và nhiệm kỳ 2015 - 2020: + Thời gian tổ chức đại hội: 07 giờ 00 phút, ngày 17 tháng 06 năm 2020. + Địa điểm tổ chức: Hội trường tầng 2, Khách sạn Sài Gòn Kim Liên, Số 25 - Đường Quang Trung - TP Vinh - Nghệ An. 	100%
5	Quyết định số: 136/QĐ-HĐQT	04/05/2020		<ul style="list-style-type: none"> - Đồng ý đề Người đại diện phần vốn biểu quyết thông qua các Nội dung tại cuộc họp Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Lai đất và Dịch vụ Hàng hải Cảng Cửa Lò, cụ thể như sau: 1.1. Thông qua Báo cáo tài chính năm 2019 đã được kiểm toán và phân phối lợi nhuận sau 	100%
6	Quyết định số: 137/QĐ-HĐQT	04/05/2020			
7	Quyết định số: 138/QĐ-HĐQT	04/05/2020			

8	Quyết định số: 139/QĐ- HĐQT	04/05/2020	<p>thuế: 3.008.837.085 đồng của năm 2019 và quỹ khác thuộc vốn CSH: 92.674.322 đồng của năm trước như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (4%): 120.353.484 đồng. + Trích quỹ thưởng ban điều hành (2,5%): 75.220.927 đồng. + Trả cổ tức năm 2019 bằng tiền mặt: 2.905.936.996 đồng, tương đương 21,5%/năm. <p>1.2. Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020 với các chỉ tiêu chính:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Doanh thu: 21,08 tỷ đồng. + Lợi nhuận: 3,998 tỷ đồng. + Cổ tức năm 2020 không thấp hơn 22%. + Thù lao Hội đồng quản trị năm 2020 là: 300.000.000 đồng, trong đó: <ul style="list-style-type: none"> * Chủ tịch HĐQT: 10.000.000 đồng/người/tháng * Thành viên HĐQT: 5.000.000 đồng/người/tháng <p>1.3. Chọn Công ty kiểm toán và tư vấn ACA Miền Trung là đơn vị kiểm toán cho Báo cáo tài chính năm 2020.</p>	100%																												
9	Quyết định số: 140/QĐ- HĐQT	25/05/2020	<p>Thông qua tạm giao kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư năm 2020 của Công ty CP Cảng Nghệ Tĩnh; cụ thể như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Về Kế hoạch SXKD <table border="1" data-bbox="1021 336 1324 1545"> <thead> <tr> <th>TT</th> <th>Hạng mục</th> <th>Đơn vị</th> <th>Kế hoạch 2020</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>1</td> <td>Lao động</td> <td>Người</td> <td>504</td> </tr> <tr> <td>2</td> <td>Sản lượng hàng hóa thông qua</td> <td>Tấn</td> <td>3.800.000</td> </tr> <tr> <td>3</td> <td>Doanh thu</td> <td>Triệu đồng</td> <td>185.000</td> </tr> <tr> <td>4</td> <td>Chi phí</td> <td>"</td> <td>172.600</td> </tr> <tr> <td>5</td> <td>Lợi nhuận</td> <td>"</td> <td>12.400</td> </tr> <tr> <td>6</td> <td>Cổ tức (3,5%)</td> <td>VND/CP</td> <td>350</td> </tr> </tbody> </table> <ul style="list-style-type: none"> • Về Kế hoạch đầu tư 	TT	Hạng mục	Đơn vị	Kế hoạch 2020	1	Lao động	Người	504	2	Sản lượng hàng hóa thông qua	Tấn	3.800.000	3	Doanh thu	Triệu đồng	185.000	4	Chi phí	"	172.600	5	Lợi nhuận	"	12.400	6	Cổ tức (3,5%)	VND/CP	350	100%
TT	Hạng mục	Đơn vị	Kế hoạch 2020																													
1	Lao động	Người	504																													
2	Sản lượng hàng hóa thông qua	Tấn	3.800.000																													
3	Doanh thu	Triệu đồng	185.000																													
4	Chi phí	"	172.600																													
5	Lợi nhuận	"	12.400																													
6	Cổ tức (3,5%)	VND/CP	350																													

TT	Hạng mục	Đơn vị	Chuyển tiếp từ năm 2019	Kế hoạch năm 2020	Ghi chú
A	Xây dựng cơ bản	Tr.đồng	2.500	13.497	
1	01 Trạm biến áp cầu 2	Tr.đồng	2.500		
2	Đầu tư cải tạo Bãi chứa hàng 1A, 1B	Tr.đồng		8.497	
3	Nâng cấp cải tạo bãi chứa hàng tại cảng Cửa Lò	Tr.đồng		5.000	
B	Máy móc thiết bị, dụng cụ	Tr.đồng	30.000	28.400	
1	Đầu tư mới 01 cầu chân đế 40 tấn tại Cảng Cửa Lò (hoàn cải chân đế số 1 tại cầu 4, chuyển sang cầu 2 lắp đặt trụ cố định mới)	Tr.đồng	30.000		
2	Đầu tư mới 01 cầu chân đế 40 tấn tại Cảng Cửa Lò (hoàn cải chân đế số 2 tại cầu 4, chuyển sang cầu 2 lắp đặt trụ cố định mới)	Tr.đồng		1.000	Tổng mức đầu tư 30 tỷ. Năm 2020 thực hiện công tác chuẩn bị đầu tư.
3	06 xe ô tô	Tr.đồng		8.000	
4	02 máy xúc lật 3,2m3	Tr.đồng		5.000	
5	03 đầu kéo chuyên dụng	Tr.đồng		7.500	
6	02 xe nâng chui container	Tr.đồng		2.500	

7	02 gàu ngoặm 6m3	Tr.đồng	1.100		
8	02 khung chup container	Tr.đồng	1.300		
9	01 máy xúc lật 2.2m3	Tr.đồng	1.000		
10	Phát triển công nghệ thông tin (xây dựng phần mềm quản lý cảng tổng hợp và phần mềm tài chính kế toán kết nối với Tổng công ty HHVN)	Tr.đồng	1.000		
C	Đầu tư khác	Tr.đồng	0	3.000	
1	Các hạng mục đầu tư khác	Tr.đồng	0	3.000	
Tổng cộng		Tr.đồng	32.500	44.897	
		Tr.đồng	77.397		
10	Quyết định số: 186/QĐ-HDQT	17/06/2020	Bổ nhiệm ông Bùi Kiều Hưng – Thạc sỹ Quản lý kinh tế CMND số: 181937164 ngày cấp: 05/07/2014 nơi cấp: Công an Nghệ An Giữ chức vụ Tổng giám đốc – Công ty Cổ phần Cảng Nghệ Tĩnh Ông Bùi Kiều Hưng có trách nhiệm tổ chức, điều hành mọi hoạt động của Công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị, Điều lệ Công ty và quy định của Pháp luật hiện hành		
11	Quyết định số: 199/QĐ-HDQT	17/06/2020	Bổ nhiệm ông Trần Văn Đạt – Thạc sỹ Quản trị kinh doanh CMND số: 182000153 ngày cấp: 13/05/2008 nơi cấp: Công an Nghệ An Giữ chức vụ Phó chủ tịch Hội đồng quản trị – Công ty Cổ phần Cảng Nghệ Tĩnh		
12	Quyết định số: 331/QĐ-HDQT	14/08/2020	Về việc phân công nhiệm vụ các thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cảng Nghệ Tĩnh		
			100%		
			100%		
			100%		

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập. Không có thành viên Hội đồng quản trị độc lập

e) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm.

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Chứng chỉ
1	Ông Lê Doãn Long	Chủ tịch HĐQT	-
2	Ông Bùi Kiều Hưng	Thành viên HĐQT	-
3	Ông Trần Văn Đạt	Thành viên HĐQT	-
4	Bà Trịnh Thị Ngọc Biển	Thành viên HĐQT	-
5	Ông Nguyễn Hồng Sơn	Thành viên HĐQT	-

2. Ban Kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát

TT	Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu cổ phần (%)
1	Nguyễn Thị Minh Thu	Trưởng ban kiểm soát	-	-
2	Nguyễn Thế Tiến	Thành viên BKS	-	-
3	Nguyễn Danh Hải	Thành viên BKS	6.600	0,03

b) Hoạt động của Ban kiểm soát

Trong năm 2020, Ban Kiểm soát (BKS) đã phối hợp chặt chẽ với HĐQT và Ban Tổng Giám đốc, thực hiện công tác kiểm tra, giám sát việc chấp hành, tuân thủ Điều lệ và quy định của pháp luật trong hoạt động quản lý của HĐQT, hoạt động điều hành của Ban Tổng Giám đốc. BKS đã thực hiện các công việc như sau:

1. Giám sát việc tuân thủ các quy định của Pháp luật và điều lệ Công ty. Tổ chức kiểm tra, giám sát chương trình hoạt động của HĐQT, Ban TGD Công ty. Xem xét các Nghị quyết, Quyết định do Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc ban hành trong quá trình quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, việc tổ chức triển khai thực hiện các Nghị quyết, Quyết định cũng như tình hình thực hiện Nghị quyết của ĐHCĐ và Nghị quyết của HĐQT trong năm 2020.

2. BKS đã tham dự các cuộc họp HĐQT hàng quý và theo yêu cầu, nắm bắt kịp thời tình hình kinh doanh thực tế của Công ty và đóng góp ý kiến với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc trong việc thực hiện các mục tiêu đã được ĐHCĐ phê duyệt và kiến nghị

thực hiện những thay đổi cần thiết để góp phần tăng hiệu quả hoạt động. HĐQT, Ban Tổng Giám đốc, BKS luôn có sự phối hợp chặt chẽ trong công tác quản lý doanh nghiệp để hoạt động luôn tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ và đạt hiệu quả cao nhất.

3. Kiểm tra, giám sát tình hình và kết quả thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, việc thực hiện các dự án đầu tư đã được Đại hội đồng cổ đông thành lập công ty thông qua.

4. Thẩm định các Báo cáo tài chính của Công ty do Ban Tổng giám đốc xác lập, những kiến nghị của kiểm toán viên đưa ra trong quá trình kiểm toán. Rà soát, thảo luận cùng Ban Tổng giám đốc, kiểm toán viên về Dự thảo Báo cáo kiểm toán cho năm tài chính 2020.

5. Giám sát việc công bố thông tin của Công ty theo đúng quy định của pháp luật, xem xét tính minh bạch của quá trình công bố thông tin để đảm bảo quyền lợi của các cổ đông.

Nhìn chung, trong quá trình thực hiện nhiệm vụ của mình, Ban kiểm soát luôn nhận được sự quan tâm, tạo điều kiện thuận lợi từ Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý trong Công ty để Ban kiểm soát hoàn thành nhiệm vụ mà được Đại hội đồng cổ đông giao cho.

Trong năm 2020, Ban kiểm soát không nhận được một khiếu nại nào của cổ đông về hoạt động của Công ty, về điều hành của HĐQT và Ban Tổng Giám đốc.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

ĐVT: Triệu đồng


TT	Họ và tên	Chức vụ	Lương	Thưởng	Thù Lao	Khác
1	Lê Doãn Long	Chủ tịch HĐQT	455	20	15	
2	Bùi Kiều Hưng	Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc	368	18	15	
3	Trần Văn Đạt	Thành viên HĐQT, phó Tổng giám đốc	327	18	15	
4	Trịnh Thị Ngọc Biển	Thành viên HĐQT	-	-	15	
5	Nguyễn Hồng Sơn	Thành viên HĐQT	-	14	30	
6	Nguyễn Thị Minh Thu	Trưởng ban kiểm soát	-	20	30	

7	Nguyễn Thế Tiến	Thành viên BKS	-	14	24	
8	Nguyễn Danh Hải	Thành viên BKS	248	14	24	

- b) Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ. Trong năm không phát sinh giao dịch
- c) Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ. Trong năm không có phát sinh giao dịch
- d) Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty. Công ty đã ban hành và thực hiện tốt các quy trình, quy định về quản trị công ty cũng như các quy định của Pháp luật và Nhà Nước có liên quan.

VI. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán (kèm theo)
2. Báo cáo tài chính được kiểm toán (kèm theo)

Nơi nhận: 
 - Như trên;
 - Lưu: VT, TK

**XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP
 LUẬT CỦA CÔNG TY**
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)



TỔNG GIÁM ĐỐC
Bùi Kiên Hưng



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ TÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

(đã được kiểm toán)



NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	05 - 27
Bảng cân đối kế toán	05 - 06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	08
Thuyết minh Báo cáo tài chính	09 - 27

003
ÔN
Ổ F
I NG
7.

0/1
12/1
1/08

Công ty Cổ phần Cảng Nghệ Tĩnh

Số 10, Đường Trường Thi, Phường Trường Thi, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cảng Nghệ Tĩnh (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Cảng Nghệ Tĩnh được chuyển đổi từ Công ty TNHH MTV Cảng Nghệ Tĩnh theo Quyết định số 749/NQ-HHVN ngày 19 tháng 03 năm 2014 của Hội đồng Thành viên Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam. Công ty chính thức chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Cảng Nghệ Tĩnh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 2900325068 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp lần đầu ngày 31 tháng 12 năm 2009, đăng ký thay đổi lần thứ tư ngày 19 tháng 06 năm 2020.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 10, Đường Trường Thi, Phường Trường Thi, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Lê Doãn Long	Chủ tịch	(Bổ nhiệm ngày 17 tháng 06 năm 2020)
Ông Nguyễn Văn Hạnh	Chủ tịch	(Miễn nhiệm ngày 16 tháng 04 năm 2020)
Ông Trần Văn Đạt	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 17 tháng 06 năm 2020)
Ông Nguyễn Hồng Sơn	Thành viên	
Ông Bùi Kiều Hưng	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 17 tháng 06 năm 2020)
Bà Trịnh Thị Ngọc Biển	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 17 tháng 06 năm 2020)
Ông Hoàng Tất Thắng	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 17 tháng 06 năm 2020)
Ông Lê Duy Dương	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 17 tháng 06 năm 2020)

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Bùi Kiều Hưng	Tổng Giám đốc	(Bổ nhiệm ngày 17 tháng 06 năm 2020)
Ông Lê Doãn Long	Tổng Giám đốc	(Miễn nhiệm ngày 17 tháng 06 năm 2020)
Ông Trần Văn Đạt	Phó Tổng Giám đốc	

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Nguyễn Thị Minh Thu	Trưởng Ban Kiểm soát
Ông Nguyễn Danh Hải	Thành viên
Ông Nguyễn Thế Tiến	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

Công ty Cổ phần Cảng Nghệ Tĩnh

Số 10, Đường Trường Thi, Phường Trường Thi, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2020, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Cam kết khác

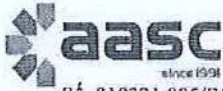
Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Bùi Kiều Hưng
Tổng Giám đốc

Nghệ An, ngày 19 tháng 02 năm 2021



Số: 010321.005/BCTC.KT3

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Cảng Nghệ Tĩnh

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cảng Nghệ Tĩnh được lập ngày 19 tháng 02 năm 2021, từ trang 05 đến trang 27, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cảng Nghệ Tĩnh tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Cảng Nghệ Tĩnh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và Công ty TNHH Deloitte Việt Nam, kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với Báo cáo tài chính này tại ngày 09/03/2020.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 0743-2018-002-1

Hà Nội, ngày 01 tháng 03 năm 2021

T: (84)24 3824 1990 | F: (84)24 3825 3973 | 1 Le Phung Hieu, Hanoi, Vietnam A member of International

Nguyễn Trí Trung
Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 3985-2018-002-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020


Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		113.728.260.931	79.963.313.089
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	23.157.729.946	33.548.085.227
111	1. Tiền		9.157.729.946	11.548.085.227
112	2. Các khoản tương đương tiền		14.000.000.000	22.000.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	4	47.000.000.000	20.000.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		47.000.000.000	20.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		41.979.563.651	23.585.411.125
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	27.213.731.437	22.439.379.841
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	10.341.287.800	634.800.000
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	5.825.044.979	1.841.226.285
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(1.400.500.565)	(1.329.995.001)
140	IV. Hàng tồn kho	9	1.205.552.673	2.463.009.318
141	1. Hàng tồn kho		1.205.552.673	2.463.009.318
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		385.414.661	366.807.419
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	13	358.412.761	338.675.257
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	16	27.001.900	28.132.162
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		162.183.372.094	177.945.890.648
220	II. Tài sản cố định		145.935.033.536	163.301.816.481
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	145.888.849.636	163.176.460.181
222	- Nguyên giá		520.925.244.624	513.447.332.259
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(375.036.394.988)	(350.270.872.078)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	46.183.900	125.356.300
228	- Nguyên giá		395.862.000	395.862.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(349.678.100)	(270.505.700)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	10	2.669.612.376	182.700.000
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		2.669.612.376	182.700.000
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	4.860.000.000	4.860.000.000
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		4.860.000.000	4.860.000.000
260	VI. Tài sản dài hạn khác		8.718.726.182	9.601.374.167
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	8.718.726.182	9.601.374.167
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		275.911.633.025	257.909.203.737


BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		41.435.093.552	33.533.571.817
310	I. Nợ ngắn hạn		41.435.093.552	33.533.571.817
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	7.108.986.959	4.566.481.752
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	15	898.266.312	1.809.558.198
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	511.613.234	1.096.666.087
314	4. Phải trả người lao động		14.233.418.818	12.718.285.369
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	17	11.187.011.447	9.372.710.050
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	18	2.163.139.348	1.391.889.345
321	7. Dự phòng phải trả ngắn hạn	19	4.300.000.000	-
322	8. Quỹ khen thưởng phúc lợi		1.032.657.434	2.577.981.016
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		234.476.539.473	224.375.631.920
410	I. Vốn chủ sở hữu	20	234.476.539.473	224.375.631.920
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		215.172.000.000	215.172.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		215.172.000.000	215.172.000.000
421	2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		19.304.539.473	9.203.631.920
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		8.137.631.920	352.368.905
421b	- LNST chưa phân phối năm nay		11.166.907.553	8.851.263.015
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		275.911.633.025	257.909.203.737




Nguyễn Thị Thanh Hồng
Người lập biểu
Nghệ An, ngày 19 tháng 02 năm 2021


Nguyễn Xuân Hùng
Kế toán trưởng


Bùi Kiều Hưng
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2020

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2020		Năm 2019	
			VND	VND	VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	22	195.558.285.524	178.410.510.041		
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-		
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		195.558.285.524	178.410.510.041		
11	4. Giá vốn hàng bán	23	168.797.686.311	153.653.401.796		
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		26.760.599.213	24.757.108.245		
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	24	4.004.400.552	2.571.062.377		
22	7. Chi phí tài chính	25	65.797.293	64.738.555		
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		5.390.557	-		
25	8. Chi phí bán hàng		-	-		
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	21.958.474.832	17.556.691.386		
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		8.740.727.640	9.706.740.681		
31	11. Thu nhập khác	27	6.247.208.414	1.955.394.987		
32	12. Chi phí khác	28	2.047.852.053	592.781.947		
40	13. Lợi nhuận khác		4.199.356.361	1.362.613.040		
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		12.940.084.001	11.069.353.721		
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	29	1.773.176.448	2.218.090.706		
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-		
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>11.166.907.553</u>	<u>8.851.263.015</u>		
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	30	519	411		



Nguyễn Thị Thanh Hồng

Người lập biểu

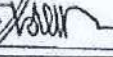
Nghệ An, ngày 19 tháng 02 năm 2021.



Nguyễn Xuân Hùng

Kế toán trưởng




Bùi Kiều Hưng

Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2020

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2020	Năm 2019
			VND	VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		12.940.084.001	11.069.353.721
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		24.844.695.310	29.239.642.499
03	- Các khoản dự phòng		4.370.505.564	530.379.562
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(4.004.400.552)	(2.571.062.377)
06	- Chi phí lãi vay		5.390.557	-
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		38.156.274.880	38.268.313.405
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(10.436.567.805)	540.200.563
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		1.257.456.645	400.936.553
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		5.500.246.971	7.404.513.899
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		862.910.481	(145.931.410)
14	- Tiền lãi vay đã trả		(5.390.557)	-
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(2.325.606.602)	(2.641.749.314)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(2.611.323.582)	(1.761.887.138)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		30.398.000.431	42.064.396.558
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(17.442.784.041)	(6.926.857.913)
23	2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(27.000.000.000)	(20.000.000.000)
27	3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		3.654.428.329	1.856.996.486
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(40.788.355.712)	(25.069.861.427)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	1. Tiền thu từ đi vay		2.210.681.004	-
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(2.210.681.004)	-
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		-	(12.910.320.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		-	(12.910.320.000)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(10.390.355.281)	4.084.215.131
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		33.548.085.227	29.463.870.096
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm		23.157.729.946	33.548.085.227

Nguyễn Thị Thanh Hồng
Người lập biểu

Nghệ An, ngày 19 tháng 02 năm 2021

Nguyễn Xuân Hùng
Kế toán trưởng



Bùi Kiều Hưng
Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2020

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cảng Nghệ Tĩnh được chuyển đổi từ Công ty TNHH MTV Cảng Nghệ Tĩnh theo Quyết định số 749/NQ-HHVN ngày 19 tháng 03 năm 2014 của Hội đồng Thành viên Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam. Công ty chính thức chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Cảng Nghệ Tĩnh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 2900325068 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp lần đầu ngày 31 tháng 12 năm 2009, đăng ký thay đổi lần thứ tư ngày 19 tháng 06 năm 2020.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 10, Đường Trường Thi, Phường Trường Thi, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 215.172.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 215.172.000.000 đồng; trong đó 21.517.200 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại 31/12/2020 là: 445 người (tại 31/12/2019 là: 472 người).

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh dịch vụ vận tải.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương. Chi tiết: vận tải hàng hóa đường thủy;
- Bốc xếp hàng hóa. Chi tiết: Dịch vụ giao nhận, bảo quản hàng hóa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải. Chi tiết: Dịch vụ dẫn dắt tàu ra ngoài cảng, lai dắt tàu biển, hướng dẫn, kiểm tra tàu hoạt động trong khu vực cảng; Dịch vụ cứu hộ, cứu nạn tàu thuyền trên biển; Dịch vụ tàu biển, thu gom hàng hóa;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa. Chi tiết: Kinh doanh kho bãi và kho quan ngoại;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ đi sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Xây dựng và kinh doanh cho thuê văn phòng làm việc.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Xí nghiệp Xếp dỡ Cửa Lò	Nghệ An	Bốc xếp, cho thuê kho bãi
Xí nghiệp Xếp dỡ Bến Thủy	Nghệ An	Bốc xếp, cho thuê kho bãi

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.



2.3. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.4. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi ghi nhận nợ phải thu: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả: là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Trong đó lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

2.5. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.6. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư vào công ty liên kết: Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.7. Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.8. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.9. Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 15 năm
- Phương tiện vận tải	05 - 20 năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 05 năm
- Các tài sản khác	03 - 10 năm
- Phần mềm quản lý	03 - 05 năm

2.10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được tính khấu hao khi các tài sản này hoàn thành và đưa vào sử dụng.

2.11. Thuế hoạt động

Thuế hoạt động là loại hình thuế tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuế hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.12. Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

1. 29
C
C
C
VINH

10
C
10
NE
A
10

2.13. Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.14. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.15. Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.16. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ;
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Dự phòng phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của năm tài chính. Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở năm trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở năm báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm, trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong năm tài chính.

2.17. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.18. Doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.19. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.20. Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
- Lỗ tỷ giá hối đoái.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.21. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

Công ty được áp dụng một mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020.

Công ty thuộc đối tượng được giảm 30% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho kỳ tính thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2020 theo quy định của Nghị định 114/2020/NĐ-CP ngày 25/09/2020 của Chính phủ.

2.22. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khên thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

2.23. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.24. Thông tin bộ phận

Do hoạt động kinh doanh chính của Công ty là dịch vụ bốc xếp hàng hóa, chi phát sinh tại lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
- Tiền mặt	197.797.027	365.403.903
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	8.959.932.919	11.182.681.324
- Các khoản tương đương tiền	14.000.000.000	22.000.000.000
	<u>23.157.729.946</u>	<u>33.548.085.227</u>

Tại ngày 31/12/2020, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn từ 01 tháng đến 03 tháng có giá trị 14.000.000.000 đồng được gửi tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam với lãi suất từ 2,9%/năm đến 3,3%/năm.

4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư ngắn hạn				
- Tiền gửi có kỳ hạn	47.000.000.000	-	20.000.000.000	-
	<u>47.000.000.000</u>	<u>-</u>	<u>20.000.000.000</u>	<u>-</u>

Tại ngày 31/12/2020, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng đến 12 tháng, có giá trị 47.000.000.000 đồng, được gửi tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, với lãi suất từ 3,9%/năm đến 6,3%/năm.

b) Đầu tư góp vốn Công ty liên kết

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Công ty Cổ phần Lai dất và Dịch vụ Hàng hải Cảng Cửa Lò	4.860.000.000	-	4.860.000.000	-
	<u>4.860.000.000</u>	<u>-</u>	<u>4.860.000.000</u>	<u>-</u>

Đầu tư góp vốn vào Công ty liên kết phản ánh khoản đầu tư góp vốn thành lập Công ty Cổ phần Lai dất và Dịch vụ Hàng hải Cảng Cửa Lò với tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ biểu quyết là 36%. Hoạt động chính của Công ty Cổ phần Lai dất và Dịch vụ Hàng hải Cảng Cửa Lò là kinh doanh dịch vụ, lai dất hỗ trợ tàu biển ra vào Cảng Cửa Lò.

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.



5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn				
- Công ty Cổ phần Nhật Việt	7.865.653.799	-	7.449.785.673	-
- Công ty Cổ phần Vận tải biển GLS	2.577.411.246	-	2.859.859.524	-
- Công ty Cổ phần Khoáng sản Namico	1.022.777.590	(715.944.313)	1.022.777.590	(530.379.562)
- Công ty Vận tải Quốc tế Mekong	2.196.514.009	-	1.482.807.451	-
- Công ty Cổ phần Khoáng sản Đông Á	2.148.273.600	-	-	-
- Các khoản phải thu khách hàng khác	11.403.101.193	(684.556.252)	9.624.149.603	(799.615.439)
	27.213.731.437	(1.400.500.565)	22.439.379.841	(1.329.995.001)
b) Trong đó: Phải thu khách hàng là các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 35)	21.398.600	-	51.317.130	-

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Công ty Cổ phần Thiết bị Nâng Hải Hà	8.061.787.800	-	-	-
- Công ty TNHH Thiết bị Công nghiệp nặng Mico	1.740.000.000	-	-	-
- Công ty Cổ phần Cơ khí đóng tàu Nghệ An	-	-	384.800.000	-
- Các khoản trả trước cho người bán khác	539.500.000	-	250.000.000	-
	10.341.287.800	-	634.800.000	-

7. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Phải thu về lãi tiền gửi	982.727.779	-	632.755.556	-
- Phải thu về bảo hiểm xã hội	9.365.040	-	-	-
- Tạm ứng	695.000.000	-	-	-
- Chi phí khác phục sự cố	-	-	374.344.489	-
- Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Sài Gòn - Hà Nội (*)	4.104.594.960	-	-	-
- Phải thu khác	33.357.200	-	834.126.240	-
	5.825.044.979	-	1.841.226.285	-

(*) Căn cứ theo Quyết định số 11/2020/KDTM-PT ngày 18/09/2020 về bản án của Tòa án Nhân dân Tỉnh Nghệ An và Công văn số 3816/2020/CV-BSH-TSKT&HH ngày 01/12/2020 của Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Sài Gòn - Hà Nội về việc chấp thuận việc bồi thường đối với sự cố tổn thất cần trực của Công ty Cổ phần Cảng Nghệ Tĩnh. Trong năm 2020, Công ty đã ghi nhận thu nhập khác và theo dõi phải thu khác Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Sài Gòn - Hà Nội với số tiền: 4.104.594.960 VND.

8. NỢ XẤU

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
- Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
+ Công ty Cổ phần Khoáng sản Namico	1.022.777.590	306.833.277	1.022.777.590	492.398.028
+ Công ty TNHH Bắc Sơn	289.444.738	-	289.444.738	-
+ Các đối tượng khác	410.526.594	15.415.080	510.170.701	-
	<u>1.722.748.922</u>	<u>322.248.357</u>	<u>1.822.393.029</u>	<u>492.398.028</u>

9. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Nguyên liệu, vật liệu	902.530.635	-	2.092.494.139	-
- Công cụ, dụng cụ	303.022.038	-	370.515.179	-
	<u>1.205.552.673</u>	<u>-</u>	<u>2.463.009.318</u>	<u>-</u>

10. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Dự án đầu tư cần trực	228.066.936	126.000.000
Dự án cải tạo bãi chứa hàng 1A, 1B (*)	2.295.754.531	-
Dự án khác	145.790.909	56.700.000
	<u>2.669.612.376</u>	<u>182.700.000</u>

(*): Dự án Cải tạo bãi chứa hàng 1A, 1B tại Xí nghiệp Xây dựng Cửa Lò do Công ty Cổ phần Cảng Nghệ Tĩnh làm chủ đầu tư, với tổng mức đầu tư là 8.497.537.000 đồng.

- Mục tiêu đầu tư: Nâng cấp, cải tạo bãi chứa hàng 1A, 1B; đáp ứng nhu cầu lưu bãi hàng quặng barit, đảm bảo yêu cầu của chủ hàng trong quá trình hàng lưu tại bãi.

- Tại thời điểm 31/12/2020, dự án đã hoàn thiện việc cải tạo bãi chứa hàng 1A, đang tiếp tục triển khai tiếp tại bãi chứa hàng 1B.

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

(Chi tiết tại Phụ lục số 01)

12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy tính	Cộng
	VND	VND
Nguyên giá		
Số dư đầu năm	395.862.000	395.862.000
Số dư cuối năm	<u>395.862.000</u>	<u>395.862.000</u>
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu năm	270.505.700	270.505.700
- Khấu hao trong năm	79.172.400	79.172.400
Số dư cuối năm	<u>349.678.100</u>	<u>349.678.100</u>
Giá trị còn lại		
Tại ngày đầu năm	125.356.300	125.356.300
Tại ngày cuối năm	<u>46.183.900</u>	<u>46.183.900</u>

13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
a) Chi phí trả trước ngắn hạn		
- Chi phí sửa chữa	358.412.761	285.669.690
- Chi phí trả trước ngắn hạn khác	-	53.005.567
	358.412.761	338.675.257
b) Chi phí trả trước dài hạn		
- Chi phí tư vấn và nạo vét vũng đậu tàu	4.637.476.729	5.745.074.764
- Chi phí sửa chữa	3.165.042.743	1.468.629.310
- Công cụ dụng cụ	648.614.875	1.885.008.286
- Chi phí trả trước dài hạn khác	267.591.835	502.661.807
	8.718.726.182	9.601.374.167

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	nợ VND	VND	nợ VND
Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
- Công ty Cổ phần Kho vận Nhật Việt Nghệ An	5.568.236.191	5.568.236.191	3.689.945.601	3.689.945.601
- Công ty TNHH Cảng Cửa Lò	894.749.773	894.749.773	-	-
- Phải trả các đối tượng khác	646.000.995	646.000.995	876.536.151	876.536.151
	7.108.986.959	7.108.986.959	4.566.481.752	4.566.481.752

15. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
- Công ty Cổ phần Thảo Trang Logistic	258.134.657	-
- Công ty Cổ phần Sông Đà Cao Cường	147.000.000	-
- Công ty Cổ phần Logistics New Way	130.680.000	-
- Công ty Cổ phần Thương mại Thép Hùng Cường	-	290.273.482
- Công ty TNHH Thương mại Hồng Nga Sài Gòn	-	691.680.000
- Người mua trả tiền trước khác	362.451.655	827.604.716
	898.266.312	1.809.558.198

Công ty Cổ phần Cảng Nghệ Tĩnh

Số 10, Đường Trường Thi, Phường Trường Thi, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm		Số phải nộp đầu năm		Số phải nộp trong năm		Số đã thực nộp trong năm		Số phải thu cuối năm		Số phải nộp cuối năm	
	VND		VND		VND		VND		VND		VND	
Thuế Giá trị gia tăng	-		535.271.161		7.295.643.213		7.326.265.912		-		502.648.462	
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-		561.394.926		1.773.176.448		2.325.606.602		-		8.964.772	
Thuế Thu nhập cá nhân	19.364.000		-		90.796.771		89.527.571		18.094.800		-	
Thuế Nhà đất, Tiền thuế đất	-		-		3.099.632.642		3.099.632.642		-		-	
Các loại thuế khác	8.768.162		-		159.030.416		159.169.354		8.907.100		-	
	28.132.162		1.096.666.087		12.416.279.490		13.000.202.081		27.001.900		511.613.234	

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
- Chi phí thuê bến số 05 Cảng Cửa Lò	8.687.011.447	6.513.698.490
- Chi phí hỗ trợ nạo vét luồng vào cảng cá	2.500.000.000	2.500.000.000
- Chi phí khác	-	359.011.560
	11.187.011.447	9.372.710.050

18. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
- Phụ cấp lương người đại diện vốn tại Công ty Cổ phần Lái dất và Dịch vụ Hàng hải Cửa Lò	180.000.000	-
- Công ty Luật TNHH MTV Việt Phúc	871.170.053	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.111.969.295	1.391.889.345
	2.163.139.348	1.391.889.345

19. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
- Dự phòng phải trả chi phí tiền lương	4.300.000.000	-
	4.300.000.000	-

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	215.172.000.000	16.637.694.281	231.809.694.281
Lãi trong năm trước	-	8.851.263.015	8.851.263.015
Phân phối lợi nhuận	-	(3.375.005.376)	(3.375.005.376)
Chi trả cổ tức	-	(12.910.320.000)	(12.910.320.000)
Số dư cuối năm trước	215.172.000.000	9.203.631.920	224.375.631.920
Số dư đầu năm nay	215.172.000.000	9.203.631.920	224.375.631.920
Lãi trong năm nay	-	11.166.907.553	11.166.907.553
Phân phối lợi nhuận (*)	-	(1.066.000.000)	(1.066.000.000)
Số dư cuối năm nay	215.172.000.000	19.304.539.473	234.476.539.473

(*) Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 01-20/NQ-ĐHĐCĐ ngày 17 tháng 6 năm 2020, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2019 như sau:

	Tỷ lệ (%)	Số tiền VND
Lợi nhuận năm trước chuyển sang		352.368.905
Kết quả kinh doanh sau thuế năm 2019	100,00%	8.851.263.015
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	10,00%	885.000.000
Trích Quỹ thưởng Ban điều hành	2,04%	181.000.000
Lợi nhuận chưa phân phối		8.137.631.920



b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2020	Tỷ lệ	01/01/2020	Tỷ lệ
	VND	(%)	VND	(%)
Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP	109.737.720.000	51,00%	109.737.720.000	51,00%
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tuấn Lộc	45.941.560.000	21,35%	45.941.560.000	21,35%
Các cổ đông khác	59.492.720.000	27,65%	59.492.720.000	27,65%
	215.172.000.000	100%	215.172.000.000	100%

c) Cổ phiếu

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	21.517.200	21.517.200
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	21.517.200	21.517.200
- Cổ phiếu phổ thông	21.517.200	21.517.200
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	21.517.200	21.517.200
- Cổ phiếu phổ thông	21.517.200	21.517.200
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

21. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KÊ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

a) Tài sản thuê ngoài

Công ty ký hợp đồng thuê Bến số 5 - Cảng Cửa Lò số 296/HĐ/2018 ngày 28/12/2018 với Công ty TNHH Cảng Cửa Lò để sử dụng với mục đích vận hành và khai thác. Thời hạn thuê là 36 tháng. Tổng giá trị của hợp đồng là 60 tỷ đồng. Tại thời điểm 31/12/2020, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
- Từ 1 năm trở xuống	24.616.438.356	19.726.027.537
- Trên 1 năm đến 5 năm	1.643.835.616	26.260.273.973
	26.260.273.973	45.986.301.510

Công ty ký hợp đồng thuê bãi tại Cảng Cửa Lò số 01/01/2020/HDKT/CCL-CNT ngày 01/02/2020 với Công ty TNHH Cảng Cửa Lò để sử dụng với mục đích chứa hàng hóa. Diện tích thuê là 9000 m². Theo hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê bãi theo quý, với đơn giá cố định trong năm đầu tiên là 17.000 đồng/m²/ tháng, và cứ sau mỗi năm, hai bên sẽ đàm phán để điều chỉnh giá.

Công ty ký các hợp đồng thuê đất tại Thị xã Cửa Lò và Thành phố Vinh với Ủy ban Nhân dân tỉnh Nghệ An để sử dụng với mục đích xây dựng bến cảng xếp dỡ hàng hóa và làm trụ sở Công ty với tổng diện tích đất thuê là 304.597,90 m², thời hạn thuê đất là từ 20 năm đến 40 năm. Theo hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

b) Ngoại tệ các loại

	31/12/2020	01/01/2020
Đô la Mỹ (USD)	266.667	298.102

22. TỔNG DOANH THU CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Doanh thu dịch vụ tại Xi nghiệp xếp dỡ Cửa Lò	182.926.284.640	166.271.320.780
Doanh thu dịch vụ tại Xi nghiệp xếp dỡ Bến Thủy	12.632.000.884	12.139.189.261
	195.558.285.524	178.410.510.041
Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 35)	1.214.703.208	1.114.101.755

23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Giá vốn dịch vụ tại Xi nghiệp xếp dỡ Cửa Lò	157.671.883.729	142.284.263.804
Giá vốn dịch vụ tại Xi nghiệp xếp dỡ Bến Thủy	11.125.802.582	11.369.137.992
	168.797.686.311	153.653.401.796

24. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	2.958.263.233	1.533.534.528
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.046.137.319	951.150.847
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	86.377.002
	4.004.400.552	2.571.062.377
Trong đó: Doanh thu hoạt động tài chính nhận từ các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 35)	1.046.137.319	951.150.847

25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Lãi tiền vay	5.390.557	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	60.406.736	64.738.555
	65.797.293	64.738.555

26. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Chi phí nhân công	9.117.331.344	7.037.918.082
Chi phí khấu hao tài sản cố định	700.498.489	790.014.180
Chi phí dự phòng	70.505.564	530.379.562
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.857.125.730	1.574.024.809
Chi phí khác bằng tiền	7.735.917.657	7.366.884.633
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	1.477.096.048	257.470.120
	21.958.474.832	17.556.691.386

27. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Tiền phạt thu được	375.239.261	-
Thu nhập từ tiền thưởng của các hợp đồng kinh tế	802.129.909	1.061.535.097
Thu nhập từ tiền bồi thường tổn thất tài sản (*)	4.104.594.960	-
Thu nhập khác	965.244.284	893.859.890
	6.247.208.414	1.955.394.987

(*): Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 07

28. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Tiền phạt vi phạm hành chính	547.505.746	157.704.285
Chi phí khác phục sự cố do tổn thất tài sản	1.224.710.000	-
Chi phí khác	275.636.307	435.077.662
	2.047.852.053	592.781.947

29. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	12.940.084.001	11.069.353.721
Các khoản điều chỉnh tăng	771.599.381	343.704.285
- <i>Thù lao thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát chuyên trách</i>	<i>186.000.000</i>	<i>186.000.000</i>
- <i>Tiền phạt vi phạm hành chính</i>	<i>547.505.746</i>	<i>157.704.285</i>
- <i>Chi phí không được trừ khác</i>	<i>38.093.635</i>	-
Các khoản điều chỉnh giảm	(1.046.137.319)	(951.150.847)
- <i>Cổ tức, lợi nhuận được chia</i>	<i>(1.046.137.319)</i>	<i>(951.150.847)</i>
Thu nhập tính thuế TNDN	12.665.546.063	10.461.907.159
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập tính thuế kỳ hiện hành	2.533.109.213	2.092.381.432
Các khoản điều chỉnh thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành năm nay	-	125.709.274
Thuế TNDN được giảm theo Nghị định 114/2020/NĐ-CP (30%)	(759.932.764)	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành	1.773.176.448	2.218.090.706
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	561.394.926	985.053.534
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(2.325.606.602)	(2.641.749.314)
Tổng thuế TNDN phải nộp cuối năm	8.964.772	561.394.926

30. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	11.166.907.553	8.851.263.015
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	11.166.907.553	8.851.263.015
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	21.517.200	21.517.200
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	519	411

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính.

31. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	23.456.264.685	23.330.994.871
Chi phí nhân công	68.658.917.929	58.473.114.069
Chi phí khấu hao tài sản cố định	24.844.695.310	29.239.642.499
Chi phí dịch vụ mua ngoài	57.583.090.733	49.673.263.309
Chi phí khác bằng tiền	16.213.192.486	10.493.078.434
	190.756.161.143	171.210.093.182

32. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
VND	VND	VND	VND	
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	23.157.729.946	-	33.548.085.227	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	33.038.776.416	(1.400.500.565)	24.280.606.126	(1.329.995.001)
Các khoản cho vay	47.000.000.000	-	20.000.000.000	-
	103.196.506.362	(1.400.500.565)	77.828.691.353	(1.329.995.001)

	Giá trị sổ kế toán	
	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Phải trả người bán, phải trả khác	9.272.126.307	5.958.371.097
Chi phí phải trả	11.187.011.447	9.372.710.050
	20.459.137.754	15.331.081.147

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2020				
Tiền và các khoản tương đương tiền	23.157.729.946	-	-	23.157.729.946
Phải thu khách hàng, phải thu khác	31.638.275.851	-	-	31.638.275.851
Các khoản cho vay	47.000.000.000	-	-	47.000.000.000
	101.796.005.797	-	-	101.796.005.797
Tại ngày 01/01/2020				
Tiền và các khoản tương đương tiền	33.548.085.227	-	-	33.548.085.227
Phải thu khách hàng, phải thu khác	22.950.611.125	-	-	22.950.611.125
Các khoản cho vay	20.000.000.000	-	-	20.000.000.000
	76.498.696.352	-	-	76.498.696.352

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.



Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở đồng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2020				
Phải trả người bán, phải trả khác	9.272.126.307	-	-	9.272.126.307
Chi phí phải trả	11.187.011.447	-	-	11.187.011.447
	20.459.137.754	-	-	20.459.137.754
Tại ngày 01/01/2020				
Phải trả người bán, phải trả khác	5.958.371.097	-	-	5.958.371.097
Chi phí phải trả	9.372.710.050	-	-	9.372.710.050
	15.331.081.147	-	-	15.331.081.147

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ đồng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

33. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

	Năm 2020	Năm 2019
a) Số tiền đi vay thực thu trong năm		
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	2.210.681.004	-
b) Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm		
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	(2.210.681.004)	-

34. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

35. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tuấn Lộc	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Lai đất và Dịch vụ Hàng hải Cảng Cửa Lò	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam	Cùng Công ty mẹ
Công ty Vận tải biển Vinalines	Trực thuộc Công ty mẹ
Tổng Giám đốc	
Ông Bùi Kiều Hưng	Tổng Giám đốc (từ 17/06/2020 - đến nay)
Ông Lê Doãn Long	Tổng Giám đốc (từ 01/01/2020 - 17/06/2020)



Các thành viên khác trong Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng quản trị

Ông Trần Văn Đạt	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Doãn Long	Chủ tịch HĐQT (từ 17/06/2020 - đến nay)
Nguyễn Văn Hạnh	Chủ tịch HĐQT (từ 01/01/2020 - 17/06/2020)
Trần Văn Đạt	Thành viên HĐQT (từ 17/06/2020 - đến nay)
Nguyễn Hồng Sơn	Thành viên HĐQT
Bùi Kiều Hưng	Thành viên HĐQT (từ 17/06/2020 - đến nay)
Trịnh Thị Ngọc Biển	Thành viên HĐQT (từ 17/06/2020 - đến nay)
Hoàng Tất Thắng	Thành viên HĐQT (từ 01/01/2020 - 17/06/2020)
Lê Duy Dương	Thành viên HĐQT (từ 01/01/2020 - 17/06/2020)

Giao dịch phát sinh trong năm:

	Mối quan hệ	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Doanh thu bán hàng, dịch vụ		1.214.703.208	1.114.101.755
- Công ty Cổ phần Lai dất và Dịch vụ Hàng hải Cảng Cửa Lò	Công ty liên kết	206.659.609	230.100.000
- Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam	Cùng Công ty mẹ	1.008.043.599	884.001.755
Nhận cổ tức		1.046.137.319	951.150.847
- Công ty Cổ phần Lai dất và Dịch vụ Hàng hải Cảng Cửa Lò	Công ty liên kết	1.046.137.319	951.150.847
Trả cổ tức		-	8.920.756.800
- Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam	Công ty mẹ	-	6.584.263.200
- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuần Lộc	Cổ đông lớn	-	2.336.493.600

Số dư tại ngày kết thúc năm tài chính:

	Mối quan hệ	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Phải thu khách hàng		21.398.600	51.317.130
- Công ty Cổ phần Lai dất và Dịch vụ Hàng hải Cảng Cửa Lò	Công ty liên kết	21.398.600	50.622.480
- Công ty Vận tải biển Vinalines	Trực thuộc Công ty mẹ	-	694.650

Giao dịch với các bên liên quan khác phát sinh trong năm như sau:

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Thu nhập của Tổng Giám đốc	414.388.000	383.149.000
Thu nhập của thành viên khác trong Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị	733.045.000	694.845.000

36. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được Công ty TNHH Deloitte Việt Nam kiểm toán.


Nguyễn Thị Thanh Hồng

Người lập biểu
Nghệ An, ngày 19 tháng 02 năm 2021


Nguyễn Xuân Hùng

Kế toán trưởng




Bùi Kiều Hưng

Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Cảng Nghệ Tĩnh
Số 10, Đường Trường Thi, Phường Trường Thi, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

PHỤ LỤC 01: TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc		Máy móc, thiết bị		Phương tiện vận tải, truyền dẫn		Thiết bị, dụng cụ quản lý		TSCĐ khác		Cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá												
Số dư đầu năm	297.118.938.585	14.148.754.221	189.124.370.406	673.486.818	12.381.782.229	513.447.332.259						
- Mua trong năm	-	-	4.102.672.728	49.800.000	3.325.439.637	7.477.912.365						
Số dư cuối năm	297.118.938.585	14.148.754.221	193.227.043.134	723.286.818	15.707.221.866	520.925.244.624						
Giá trị hao mòn lũy kế												
Số dư đầu năm	239.571.599.879	8.716.332.441	95.755.051.693	272.837.488	5.955.050.577	350.270.872.078						
- Khấu hao trong năm	11.630.217.010	553.968.570	10.846.402.337	134.550.852	1.600.384.141	24.765.522.910						
Số dư cuối năm	251.201.816.889	9.270.301.011	106.601.454.030	407.388.340	7.555.434.718	375.036.394.988						
Giá trị còn lại												
Tại ngày đầu năm	57.547.338.706	5.432.421.780	93.369.318.713	400.649.330	6.426.731.652	163.176.460.181						
Tại ngày cuối năm	45.917.121.696	4.878.453.210	86.625.589.104	315.898.478	8.151.787.148	145.888.849.636						

Trong đó:

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 172.890.985.469 VND

